

TRÍ-ĐỨC

TÔNG-THƠ

5

Dịch-giã : ĐOÀN-TRUNG-CÔNG

TÚ THƠ

ĐẠI-TRUNG-
HỌC DUNG

大學



中庸

IN KỲ BA

TRUNG DUNG
Phan Văn Các
Giới thiệu và dịch chú

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

LỜI DẪN

Trung dung vốn là tên một thiên, thiên thứ 31 trong 49 thiên của sách Lễ kí, sau được tách ra thành một trong “Tứ thư” trở thành kinh điển của Nho gia. Tương truyền là tác phẩm của Tử Tư 子思 sống đầu thời Chiến Quốc.

Tử Tư (483-402 tr CN), họ Khổng, tên Cấp 伋, là cháu đích tôn của Khổng Tử. Sử kí Khổng Tử thế gia chép: “Khổng Tử sinh Lí 鯉, tự Bá Ngư 伯魚. Bá Ngư sinh Cấp, tự Tử Tư”. Sử kí còn cho biết Tử Tư “thường khốn ư Tống. Tử Tư tác Trung dung” (từng bị khốn ở nước Tống. Tử Tư làm ra thiên Trung dung). Sự tích cuộc đời Tử Tư ngày nay không thể khảo rõ được. Theo sự ghi chép của sách Mạnh Tử thì Tử Tư từng được Lỗ Mậu Công 魯繆公 và Phí Huệ Công 費惠公 tôn làm người hiền, đãi theo lễ thầy học, nhưng rốt cuộc vẫn không được dùng. Hán thư - Nghệ văn chí ghi tên sách Tử Tư tử 子思子, 23 thiên, đã thất truyền. Trịnh Huyền và Khổng Dĩnh Đạt đều nói Trung dung trong sách Lễ kí là do Tử Tư làm ra. Tống Nho đã khẳng định thuyết đó, cho rằng “thử thiên nãi Khổng môn truyền thụ tâm pháp, Tử Tư khùng kì cửu nhi sai dã, cổ bút chi ư thư, dĩ thụ Mạnh Tử” (thiên này chính là tâm pháp truyền thụ của Khổng môn. Tử Tư e lâu ngày sẽ sai lạc đi, nên chép vào sách để trao cho Mạnh Tử - Chu Hi – Trung dung chương cú). Trong mạch truyền đạo thống, Tử Tư là cái gạch nối giữa Tăng Tử ở trước với Mạnh Tử ở sau, được tôn là “Thuật Thánh”. Đời sau phần nhiều coi Trung dung là trước tác của Tử Tư, và ghép Tử Tư với Mạnh Tử làm một học phái gọi là “Tư Mạnh học phái”. Các học giả cận đại có người hoài nghi, cho rằng trong Trung dung có những câu như “Kim thiên hạ, xa đồng quỹ, thư đồng văn, hạnh đồng luân”, hẳn là tác phẩm ở buổi giao thời Tần – Hán, chứ không phải của Tử Tư.

Hàn Phi Tử. Hiền học khi trình bày “Nho phân vi bát” coi “Tử Tư chi Nho” là một học phái độc lập. Tư tưởng của Tử Tư thành một học phái là điều có thể khẳng định song tình hình thực tế của tư tưởng Tử Tư thì còn phải tiếp tục nghiên cứu.

Quách Mạt Nhược, Dương Vinh Quốc cho Trung dung là tác phẩm của học phái Tư Mạnh thời Tiên Tần. Phùng Hữu Lan coi là tác phẩm của học phái Mạnh Tử thời Tần – Hán. Toàn thiên lấy “Trung dung” làm chuẩn mực đạo đức và quy luật tự nhiên tối cao. “Trung dung” là khái niệm được Khổng Tử nêu ra trước nhất “Trung dung chi vi đức dã, kì chí hĩ hồ! Dân tiến cử hĩ” (Trung dung là cái đức tốt đến cực điểm. Mọi người thiếu cái đức đó đã lâu lắm rồi - Luận ngữ Ung dã). Với Khổng Tử, “Trung dung” là một phạm trù quan trọng trong tư tưởng triết học và đạo đức của ông, có nghĩa là cái nguyên tắc chung nhất nắm lấy “trung” như quy luật vận động của sự vật, không thiên lệch. Thật ra cội nguồn của tư tưởng này đã có từ lâu. Nghiêu lúc nhường ngôi cho Thuấn đã nhấn mạnh rằng cai trị xã hội phải “doãn chấp kì trung” 允執其中 (Luận ngữ Nghiêu viết). Chu Công cũng đề xướng thực hành “trung đức” 中德 (Thượng thư. Tửu cáo) và nhấn mạnh rằng khi xử kiện và dụng hình phải “trung chính” 中正 (Thượng thư. Lã hình). Quan niệm chuộng “trung” trong Chu Dịch càng thể hiện rõ. Hào từ của các hào trung (tức là hào Nhị và hào Ngũ) trong 64 quẻ hầu hết đều tốt lành. Thời Xuân Thu, quan niệm “trung hoà” 中和 được phát triển. Như Ân An nêu ra ngũ vị điều hoà thành mỹ canh (canh ngon), ngũ sắc hiệp hoà thành văn thái (màu sắc đẹp

đề), ngũ thanh tương hoà thành mĩ nhạc, quân tử nghe thấy “tâm bình đức hoà” (Tả truyện. Chiêu Công nhị thập niên).

Trên cơ sở ấy, Khổng Tử nêu lên khái niệm “Trung dung” nâng quan niệm “trung hoà” lên tầm triết học. Ông nói: “Quân tử trung dung, tiểu nhân phản trung dung” (Lễ kí, Trung dung). Chữ “dung” 庸 có ba nghĩa:

(1) nghĩa là “dụng” 用. Trình Huyền thời Đông Hán nói: “Danh viết Trung dung giả, dĩ kì kí trung hoà chi vi dụng dã. Dung, dụng dã” (Đặt tên là Trung dung, vì nó ghi lại cái tác dụng của trung hoà. Dung tức là dụng - Thích văn và Lễ kí chính nghĩa).

(2) nghĩa là “thường đạo” 常道. Trình Huyền chú Lễ kí. Trung dung nói rằng: “Dung, thường dã. Dụng trung vi thường đạo dã” (Dung là đạo thường. Dụng trung vi thường đạo dã) (Dung là đạo thường. Lấy trung làm đạo thường, đạo không thay đổi). Hà Yển thời Ngụy Tam Quốc nói “Dung, thường dã. Trung hoà khả thường hành chi đức” (Dung là thường. Trung hoà là đức có thể luôn luôn thi hành – Luận ngữ Ung dã chú).

(3) nghĩa là “bình thường” 平常 (Chu Hi Trung dung chương cú).

Tư tưởng “Trung dung” của Khổng Tử thừa nhận “lượng đoan” hai đầu đối lập của sự vật là tồn tại khách quan và chủ trương thái độ “hoà nhi bất đồng” đối với hai đầu đối lập ấy. Ông nhấn mạnh “chấp lưỡng dụng trung” 執兩用中 không “quá”, không “bất cập”.

Tư tưởng “Trung dung” của Khổng Tử vừa là thế giới quan, lại vừa là một phương pháp cơ bản để đối xử với tự nhiên, xã hội và nhân sinh, có tính thực tiễn rất mạnh. Chẳng hạn về chính trị, ông chủ trương “danh chính ngôn thuận”, “lễ nhạc hưng nhi hình phát trủng” và “khoan dĩ tế mãnh, mãnh dĩ tế khoan, chính sự nhờ vậy được điều hoà - Tả truyện. Chiêu Công nhị thập niên). Về kinh tế, ông chủ trương “huệ nhi bất phí”, “lao nhi bất oán”, “dục nhi bất kham” (Luận ngữ. Nghiêu viết) và “Thi thủ kì hậu, sự cử đắc trung, liêm tòng kì bạc”. (Ra ơn thì hậu, làm việc thì trung, thu lấy thì bạc - Tả truyện. Chiêu Công thập nhất. Thập nhị niên). Về đạo đức, luân lí, ông coi “trung dung” là “chí đức”, chủ trương “trực đạo nhi hành” (Luận ngữ. Vệ Linh Công).

Về mĩ học, ông chủ trương văn chất kiêm bị (coi trọng cả nội dung lẫn hình thức), “lạc nhi bất dâm, ai nhi bất thương” (Luận ngữ, Bát dật). Tư tưởng “trung dung” của Khổng Tử vừa có mặt hợp lí là khẳng định các mặt đối lập của sự vật dựa vào nhau mà tồn tại, thừa nhận trạng thái cân bằng của sự vật trong những điều kiện nhất định, nhưng cũng có mặt tiêu cực là đòi hỏi giữ vững hạn độ của sự vật, ngăn chặn sự chuyển hoá.

Sau Khổng Tử, Trung dung (tương truyền là của Tử Tư) cho rằng “trung” là “thiên hạ chi đại bản” (cái gốc lớn của thiên hạ, và “trung dung” là tiêu chuẩn đạo đức tối cao. Các nhà Nho về sau không ngừng giải thích bổ sung và phát huy “Trung dung”. Với Trình Chu, “Trung dung” chẳng những trở thành phương pháp cơ bản để nhận thức thế giới và chuẩn mực cơ bản để xử sự tiếp vật của Nho gia mà còn thấm vào tâm lí xã hội của con người nói chung.

Trung dung kế thừa tư tưởng “Trung dung” của Khổng Tử và gắn nó với đạo đức nhân tính: “trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dã; hoà dã giả, thiên hạ chi đại đạo dã. Trí trung hoà, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên” (chương thứ nhất) và chỉ ra: “Quân tử trung dung, tiểu nhân phản trung dung”. Coi “chí thành” là cõi đạo đức tối cao và là bản nguyên của thế giới; “Thành giả, thiên chi đạo dã; thành chi giả, nhân chi đạo dã” và nói rõ “Thành giả, bất miễn nhi trủng, bất tư nhi đắc, trung dung trung đạo, thánh nhân dã” (chương thứ hai mươi) “Duy thiên hạ chí thành, vi năng kinh luân thiên hạ chi đại kinh, lập thiên hạ chi đại bản, tri thiên địa chi hoá dục” (chương thứ ba mươi hai). Trung dung cũng đã trình bày hai hình thái tu dưỡng là

“tôn đức tính” và “đạo vấn học”. “Cổ quân tử tôn đức tính nhi đạo vấn học, trí quảng đại nhị tận tinh vi, cực cao minh nhi đạo Trung dung” (chương thứ hai mươi bảy). Hai hình thái này còn được gọi là “tự thành minh, vị chi tính, tự minh thành, vị chi giáo” (chương thứ hai mươi một) trung dung cũng đề ra quá trình học tập và quá trình nhận thức “bác học chi, thẩm vấn chi, thận tư chi, minh biện chi, đốc hành chi” (chương thứ hai mươi).

Từ thời Tống, Trung dung cùng với Đại học và Luận ngữ, Mạnh Tử được gọi chung là “Tứ thư”.

Ở Việt Nam, trong thời đại khoa cử, Trung dung cũng như Tứ thư nói chung đều rất được đề cao. Ngoài những công trình chung về “Tứ thư” như đã giới thiệu trong Đại học dịch chú (thuộc bộ giáo trình này), có những sách chuyên nghiên cứu Trung dung. Hiện có trong Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm các cuốn chuyên khảo sau đây.

(1) Trung dung diễn ca 中庸演歌 do Phạm Thiếu Du 范少遊 soạn. Cao Xuân Dục 高春育 đề bạt.

Sách diễn nôm 33 chương sách Trung dung. Là một bản viết (chép lại từ bản in năm 1891) mang kí hiệu AB-540.

Sách này đóng chung trong tập diễn ca Dịch quái cùng một số bản diễn Nôm khác. (Phạm Thiếu Du tức Phạm Đình Toái).

(2) Trung dung giảng nghĩa 中庸講義

Giải nghĩa 33 chương sách Trung dung, dựa theo bản chú thích của Chu Hi. Sau mỗi câu chữ Hán, có một câu giải nghĩa bằng chữ Nôm. Không rõ dịch giả. Kí hiệu AB 278.

(3) Trung dung thuyết ước 中庸說約

Sách do Lê Văn Ngữ 黎文啟, tự là Ứng Hoà soạn năm Bảo Đại 2 (1927). Kí hiệu sách A. 2595.

Sách tóm lược nội dung 33 chương sách Trung dung và đầu sách có bức thư chữ Nôm của tác giả gửi thống sứ Bắc Kỳ lúc đó.

Bảng chữ quốc ngữ có bản Trung dung chính văn trích dịch của Phan Bội Châu trong Khổng học đăng, quyển I hoàn thành năm 1929. Trong tác phẩm này, tác giả vừa trích dịch Trung dung vừa khảo cứu các vấn đề “Mệnh, tính, đạo với trung hoà”, “Trung dung”, “Đạo với Trung dung”, “Chân lý của quỷ thần”, “Đạo thuộc về chữ Thành”, “Luân lí ở trong thành chi đạo”. “Thành chi đạo thuộc về tu thân”, “Chính trị ở trong thành chi đạo”, “Hai bậc người ở trong thành chi đạo”, “Kể công phu làm cho đến thành chi đạo”, “công phu Thận độc”.

Giới thiệu sách này tác giả nói:

“Sách này là chân đích phái của Khổng học, cũng in như sách Đại học. Nhưng Đại học có ý dễ hiểu, Trung dung thời thiệt khó hiểu...

Tiết thứ nhất... có câu “thiên mệnh chi vị tính”, tiết cuối cùng được câu “thượng thiên chi tái, vô thanh vô xú”... ‘toàn bộ sách mở đầu ra chữ thiên, thắt đuôi lại cũng chữ thiên... chỉ cốt nói rõ “Thiên chi đạo”.

Nhưng đạo của trời cũng chỉ ở nơi lòng người.. mà ý nghĩa tinh thần thời tóm vào trong một chữ “thành”.

...Hai chữ “thành thân” lại là cốt tuỷ ở trong bản sách này”.

Ngoài ra có bản dịch của Đoàn Trung Còn trong bộ Tứ thư, NXB Thuận Hoá Huế in lại năm 1996.

Trong tập sách chuyên khảo Nho giáo xưa và nay, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1994, tác giả Quang Đạm đã dành trên 100 trang sách để nghiên cứu “Từ thuyết đồng quy đến thuyết Trung dung” và “vấn đề học tập” là những nội dung liên quan trực tiếp đến Trung dung.

Bản dịch chú này của chúng tôi, trong khuôn khổ bộ Ngũ văn Hán Nôm của Viện nghiên cứu Hán Nôm dành cho chương trình đào tạo sau đại học, được thực hiện trên cơ sở tham khảo ý kiến của các tác giả trong và ngoài nước, trong đó có bản dịch chú của Tiền Huyền, Nhạc Lộ thư xã năm 1994. Kính mong độc giả chỉ giáo.

Chương thứ nhất

Tiết thứ 1

Thiên mệnh chi vị tính; suất tính chi vi đạo, tu đạo chi vi giáo.

天命之謂性，率性之謂道，修道之謂教。

Dịch nghĩa:

Mệnh Trời gọi là “tính”, phát triển thuận theo “tính” gọi là “đạo”, tu dưỡng theo “đạo” gọi là “giáo”.

Chú giải:

1. Thiên mệnh 天命: Mệnh trời, một trong những phạm trù trọng yếu trong hệ thống tư tưởng của Khổng Tử. Chỉ tính tất yếu khách quan mà sức người không thể thay đổi được. (xin xem chú thích 1, thiên Nghiêu viết, sách Luận ngữ trong bộ giáo trình này).

Từ Tư phát huy tư tưởng “thiên mệnh” của Khổng Tử mà nêu ra mệnh đề “Thiên mệnh chi vị tính”, thực chất đây là một định nghĩa về tính.

2. Tính là gì? – Tính là cái mà tự nhiên bẩm phú cho người mà người ta bẩm thụ lấy. Thuộc về “thiên” thì gọi là “mệnh”, phú vào người ta rồi thì gọi là “tính”.

Khổng Tử đã có bàn đến “tính”. Ông nói: “Tính tương cận dã, tập tương viễn dã” (Bản tính người ta đều gần giống nhau, nhưng do chịu những ảnh hưởng khác nhau mà thành khác xa nhau - Luận ngữ Dương Hoá).

Mạnh Tử nêu ra thuyết “tính thiện” 性善 “Mạnh Tử đạo tính thiện” (Mạnh Tử nói rằng tính là thiện - Mạnh Tử Đẳng Văn Công thượng). Về sau, ông đã giải thích và phát triển thêm về nhân tính và kiên trì “nhân tính vi thiện”. Ông nói: “Nhân tính chi thiện dã, do thủy chi tựu hạ dã. Nhân vô hữu bất thiện, thủy vô hữu bất hạ” (Tính người ta là thiện, cũng giống như nước luôn chảy xuống chỗ thấp. Người ta chẳng có ai bất thiện, cũng giống như nước không khi nào không chảy xuống chỗ thấp - Mạnh Tử Cáo Tử thượng).

“Nhân, nghĩa, lễ, trí phi do ngoại thức ngã dã, ngã cố hữu chi dã” (Nhân, nghĩa, lễ, trí không phải do từ bề ngoài nung đúc cho ta, mà chính ta vốn sẵn đã có những điều ấy - Mạnh Tử. Cáo Tử thượng).

Cái gọi là tính thiện ấy, nói cụ thể ra là “trắc ẩn chi tâm, nhân giai hữu chi; tu ố chi tâm, nhân giai hữu chi, cung kính chi tâm, nhân giai hữu chi; thị phi chi tâm, nhân giai hữu chi” (Lòng trắc ẩn, người ta đều có; lòng biết thẹn, biết ghét, người ta đều có, lòng cung kính, người ta đều có, lòng phân biệt phải trái, người ta đều có - Mạnh Tử. Cáo Tử thượng).

Trái lại, quan niệm của Tuân Tử về tính người là thuyết “tính ác”. Tuân Tử nói: “Nhân chi tính ác, kì thiện giả nguy dã” (Bản tính của người ta là ác, nó sở dĩ thiện là do cố tình tạo ra - Tuân Tử. Tính ác). Ông chia tách tính người ra thành hai phương diện “tính” 性 và “nguy” 僞 và cho rằng: “Tính giả, bản thủy tài phác dã; nguy giả, văn lí long thịnh dã” (Tính là bản thủy chất phác, còn nguy là văn vẻ dồi dào - Tuân Tử. Lễ luận). Tính là tiên thiên (sẵn có), còn nguy là hậu thiên (về sau mới có). Vì thế ông cho rằng “phàm tính giả, thiên chi tự dã, bất khả học, bất khả sự; lễ nghĩa giả, thánh nhân chi sở sinh dã, nhân chi sở học nhi năng, sở sự nhi thành dã” (phàm bản tính là do trời làm nên, không thể học được, cũng không thể làm ra được. Còn lễ nghĩa thì do thánh nhân tạo sinh ra, người ta có thể học mà biết, có thể làm mà thành - Tuân Tử. Tính ác). Ông chỉ ra rằng: “Phàm nhân chi tính giả, Nghiêu Thuấn chi dữ Kiệt, Chích, kì tính nhất dã, quân tử chi dữ tiểu nhân, kì tính nhất dã” (Phàm là bản tính người ta, thì Nghiêu Thuấn với Kiệt, Chính, cái tính của họ là một; quân tử với tiểu nhân, cái tính của họ là một vậy - Tuân Tử. Tính ác) cho nên “Tuy Nghiêu, Thuấn bất năng khử dân chi dục lợi” (Dẫu là Nghiêu Thuấn không thể bỏ được lòng mong muốn điều lợi như mọi người - Tuân Tử. Đại lược) và cái gọi là “tính ác”, tức là chỉ những nhu cầu sinh lí tự nhiên “cơ nhi dục bão, hàn nhi dục noãn, lao nhi dục hưu”, “mục hiếu sắc, nhĩ hiếu thanh, khẩu hiếu vị, tâm hiếu lợi, cốt thể phu li hiếu du dật” (đói thì muốn no, rét thì muốn ấm, mệt thì muốn nghỉ, mắt ưa sắc đẹp, tai ưa tiếng hay, mồm ưa vị ngon, lòng ưa điều lợi, cơ thể da xương thì ưa nhàn nhã - Tuân Tử. Tính ác). Ông chỉ ra rằng nếu để mặc cho bản tính người ta cứ tự do phát triển, thì tất sẽ dẫn tới sự sa đoạ của con người và sự rối loạn của xã hội. Đó chính là cơ sở lí luận cho chủ trương chính trị của ông là “lễ pháp kiêm trị, vương bá tịnh thi” (dùng cả lễ lẫn phép, thực hành cả vương đạo lẫn bá đạo).

Nhưng “tính thiện” của Mạnh Tử, “tính ác” của Tuân Tử, cũng như “tính thiện ác hỗn” của Đồng Trọng Thư, Dương Hùng và các học giả khác đều là chuyện về sau.

Trung dung chỉ khẳng định “Thiên mệnh chi vị tính” và “suất tính chi vi đạo”.

3. Đạo 道: Trong Luận Ngữ, “đạo” xuất hiện cả thảy 60 lần, trong đó 44 lần là thuật ngữ của Khổng Tử, được dùng với nhiều nghĩa khác nhau.

(1) Nghĩa gốc là “đường đi” “đạo thính nhi đồ thuyết” (nghe chuyện ngoài đường rồi thuật lại ngoài đường - Luận ngữ. Dương Hoá). Nghĩa này cũng thấy ở quẻ Lí trong Kinh Dịch: “Lí đạo thản thản” (Đi trên đường bằng phẳng).

(2) “Đường lối chính trị”: “Lễ chi dụng, hoà vi quý, tiên vương chi đạo tư vi mĩ” (Tác dụng của lễ, lấy hoà làm quý. Đạo của các tiên vương đẹp ở đó - lời Hữu Tử. Luận ngữ. Học nhi). Nghĩa này cũng đã thấy trong Thượng thư. Hồng phạm: “Vô thiên vô đảng, Vương đạo đẳng đẳng, vô đảng vô thiên, vương đạo bình bình, vô phản vô trắc, vương đạo chính trực” (không thiên lệch, không bè phái, vương đạo thênh thang; không bè phái không thiên lệch, vương đạo bằng phẳng; không có phản trắc, vương đạo chính trực).

Nếu thực hành đường lối chính trị đúng đắn, thiên hạ thái bình, gọi là “trị thế”, Khổng Tử gọi là “hữu đạo”, ngược lại là “loạn thế”. Khổng Tử gọi là vô đạo: “Thiên hạ hữu đạo tắc hiện, vô đạo tắc ẩn. Bang hữu đạo, bần thả tiện yên, sĩ dã; bang vô đạo, phú thả quý yên, sĩ dã” (Luận ngữ. Thái Bá) và “tử vị Nam Dung, bang hữu đạo, bất phệ; bang vô đạo, miễn ư hình lục” (Luận ngữ. Công Dã Tràng).

(3) Phát sinh thành nghĩa “nhân sinh quan”, “thế giới quan” và thậm chí là “triết lí sâu sắc”. Thí dụ: “Tử viết: Tiên văn đạo, tịch tử khả hĩ” (Luận ngữ. Lí nhân) “Tử viết: Sĩ chí ư đạo, nhi sĩ ác thực giả, vị túc dữ nghị dã” “Tử viết: Sâm hồ! Ngô đạo nhất dĩ quán chi... Tăng Tử viết: Phu tử chi đạo, trung thứ nhi dĩ hĩ” (Luận ngữ. Lí nhân). “Nhân năng hoảng đạo, phi đạo hoảng nhân” (Luận ngữ. Vệ Linh Công).

(4) “Phương pháp hoặc biện pháp”. Như trong các câu “Tử viết: Xạ bất chủ bì, vi lực bất đồng khoa, cổ chi đạo dã” (Luận ngữ. Bát dật).

“Tử viết: Phú dữ quý, thị nhân chi sở dục dã, bất dĩ kì đạo đắc chi, bất xử dã” (Luận ngữ. Lí nhân).

(5) “Đạo” lại chia ra “Thiên đạo” (đạo Trời), “địa đạo” (đạo Đất) và “nhân đạo” (đạo Người). Khổng Tử và các hậu nho chú ý đến “Nhân đạo”.

“Quân tử học đạo, tắc ái nhân” (Luận ngữ. Dương Hoá). Tuân Tử, Nho hiệu nói: “Đạo giả, phi thiên chi đạo, phi địa chi đạo, nhân chi sở dĩ đạo dã”. Hàn Dũ đời Đường nói đến đạo là đạo của tiên vương do Nghiêu, Thuấn truyền lại, cũng tức là đạo của thánh nhân, đạo nhân nghĩa của Khổng Mạnh. Học giả cận đại, Trịnh Quan Ứng 鄭觀應 cho rằng quy luật chung của vũ trụ gọi là đạo, học thuyết của Khổng Tử là đạo lớn của thế gian là “đạo lớn của Trung Quốc từ Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ liệt thánh tương truyền đến nay, và Khổng Tử thuật lại để dạy muôn đời thiên hạ” (Thịnh thế nguy ngôn).

Đạo nói ở tiết này của Trung dung chính là dùng với nghĩa (3) và có cả khía cạnh của nghĩa (5) “nhân đạo”.

4. Giáo 教: “Tu đạo chi vị giáo”. Giáo là “tu đạo”. Khổng Tử đã nhiều lần nói về “giáo” trong Luận ngữ: ở thiên Tử Lộ đã có cuộc đối thoại giữa ông với Nhiệm Hữu, người học trò đánh xe cho ông đi đến nước Vệ mà về sau người ta tóm tắt bằng ba chữ “Thứ-phú-giáo”. Ông cho rằng đối với một nước đã có đông dân thì nhiệm vụ của người cai trị là phải lo làm cho họ giàu lên, và sau đó là tiến hành giáo hoá họ, nói theo ngôn ngữ ngày nay là chăm lo đời sống vật chất và đời sống văn hoá của nhân dân.

Cũng ở thiên Tử Lộ, ông nói: “Thiện nhân giáo dân thất niên, diệc khả dĩ tức nhung hĩ” và “Dĩ bất giáo dân chiến, thị vị khí chi” (ở đây giáo có nghĩa hẹp hơn là huấn luyện cho tác chiến).

Khổng Tử còn nêu lên tư tưởng “giáo nhi hậu hình” 教而後刑 như một nguyên tắc cơ bản để trị nước, đó là sự cụ thể hoá tư tưởng đức trị vi chủ, hình phạt vi phụ của Nho gia. Khổng Tử nói: “Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sĩ, đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, dân sĩ thả cách” (Luận ngữ. Vi chính). Đó là tự nhấn mạnh công cuộc giáo hoá về đạo đức. Ông lại nói: “Bất giáo nhi sát vị chi ngược” (Luận ngữ. Nghiêu viết) và “Thiện nhân vi bang bách niên, diệc khả dĩ thắng tàn khử sát hĩ” (Luận ngữ. Tử Lộ).

Chữ “giáo” ở tiết 1 sách Trung dung này bao gồm cả đức chính và giáo hoá.

Với ba mệnh đề cốt lõi này, tiết 1 đã bao hàm ý nghĩa rộng lớn và sâu xa của toàn sách Trung dung trên cả các phương diện triết học, chính trị và đạo đức, đáng để người học nghiền ngẫm.

Đạo đã giả bất khả tu du ly dã; khả ly phi đạo dã; thị cố quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đồ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn, mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi; cố quân tử thận kỳ độc dã.

道也者不可須臾離也;可離非道也;是故君子戒慎乎其所不睹,恐懼乎其所不聞,莫見乎隱,莫顯乎微,故君子慎其獨也.

Dịch nghĩa:

Đạo là cái không thể xa rời dù chỉ trong chốc lát; nếu có thể xa rời được, thì đã không phải là đạo. Bởi thế quân tử đặc biệt cảnh giác thận trọng ở chỗ người ta không nhìn thấy, lo lắng sợ hãi ở chỗ người ta không nghe thấy. Chẳng có gì rõ hơn vật che giấu, chẳng có gì làm hiển lộ chân tướng hơn những việc nhỏ bé. Cho nên người quân tử đặc biệt thận trọng khi chỉ có một mình mình vậy.

Chú giải:

1.Tu du 須臾: chốc lát, khoảng khắc.

2.Thận độc 慎獨: Phương pháp tu dưỡng của Nho gia. (x chú thích 1, chương VI "Thành ý chính tâm" ở sách Đại học, trong bộ giáo trình này).

Tiết thứ 3

Hỷ, nộ, ai, lạc chi vị phát, vị chi trung; phát nhi giai trúng tiết vị chi hoà. Trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dã; hoà dã giả, thiên hạ chi đạt đạo dã.

喜,怒,哀,樂之未發,謂之中;發而皆中節謂之和.中也者,天下之大本也,和也者,天下之達道也.

Trí trung hoà: thiên địa vị yên, vạn vật dục yên.

致中和:天地位焉,萬物育焉.

Dịch nghĩa:

Mừng, giận, buồn, vui khi chưa biểu hiện ra, gọi là "trung", biểu hiện ra mà phù hợp với quy củ mức độ, thì gọi là "hoà". Trung là gốc lớn của thiên hạ, hoà là đạo lí thông đạt trong thiên hạ.

Gắng sức đạt tới trung hoà, thì trời đất có được vị trí thoả đáng, muôn vật được phát dục sinh trưởng.

Chú giải:

1. Trung hoà 中和. Thể giới quan và phương pháp luận của Nho gia. Cho rằng, “Trung hoà” là căn bản của trời đất và muôn vật và cũng là đạo lớn thông hành trong thiên hạ. Từ “trung hoà” xuất hiện sớm nhất là thiên Trung dung này của sách Lễ kí. Ở đây nêu lên phải “trí trung hoà”. Tư tưởng này bắt nguồn từ “Trung dung” và “hoà nhi bất đồng” của Khổng Tử. Khổng Tử đề xướng “Quân tử trung dung” (Trung dung) và “Quân tử hoà nhi bất đồng” (Luận ngữ. Tử Lộ). Sau, học trò của Khổng Tử là Hữu Nhược nhấn mạnh ý nghĩa nguyên tắc “vừa phải” của chữ “hoà” và nói rằng: “Lễ chi dụng, hoà vi quý” (Tác dụng của lễ, lấy hoà làm quý - Luận ngữ. Học nhi) nhưng lại cho rằng: “Tri hoà nhi hoà, bất dĩ lễ tiết chi, diệc bất khả hành dã” (Chỉ biết hoà mà hoà, chứ không biết điều tiết nó bằng lễ thì cũng không thể thi hành được) (Luận ngữ. Học nhi).

Tương truyền Tử Tư làm ra thiên Trung dung đã đề ra khái niệm “trung hoà” như một phạm trù minh xác, và định nghĩa “hỉ, nộ, ai, lạc chi vị phát” là “trung” và “phát nhi giai trúng tiết” là “hoà”, điểm này không hoàn toàn giống với điều Khổng Tử nhấn mạnh rằng “giữ được hài hoà, cân đối giữa các mặt đối lập của sự vật”.

Trung dung còn bàn về “trung hoà” trên khía cạnh nguồn gốc của thể giới, cho rằng “trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dã; hoà dã giả, thiên hạ chi đại đạo dã”. “Trí trung hoà, thiên địa vị yên vạn vật dụng yên”. Đây cũng là điều trước kia chưa hề có. Sự giải thích của các nhà Nho đời sau phần nhiều đều có phát huy. Trình Di thời Bắc Tống cho rằng: “Trung dã giả, ngôn tịch nhiên bất đồng giả dã, hoà dã giả ngôn cảm nhi toại thông giả dã” (Trung là nói sự khác nhau lặng lẽ, còn hoà là nói cảm rồi thông vậy - Cận tư lục quyển 1). Chu Hi thời Nam Tống thì giải thích là tính và tình, cho rằng “hỉ, nộ, ai, lạc, tính dã. Kì vị phát, tắc tính dã. Vô sở thiên ý, cố vị chi trung. Phát giai trúng tiết, tình chi chính dã. Vô sở quái lệ, cố vị chi hoà” (mừng, giận, buồn, vui là tình. Tình chưa biểu hiện ra, thì đó là tính. Không hề thiên lệch, nên gọi là trung. Thể hiện ra đúng mức, đó là sự đúng đắn của tình. Không có sai trái, nên gọi là hoà – Trung dung chương cú). Lại giải thích bằng “Tính tức lí” “Vị phát chi tiền, vạn lí giai cụ” (Trước khi chưa phát ra, muôn lí đều có đủ) mà ứng sự tiếp vật “năng tình sát đắc giai hợp ư lí xử” (có thể xem xét được thì đều hợp với lí xử - Chu Tử ngữ lục quyển 62). Vương Thủ Nhân thời Minh cho rằng “vị phát chi trung, tức lương tri dã” (chưa phát mà trung, tức là lương tri vậy - Truyền tập lục trung), “tri đắc quá bất cập xử, tự thị trung hoà” (Biết được chỗ quá và bất cập, chính là trung hoà - Truyền tập lục hạ).

2. Hoà 和, là một trong những phạm trù của tư tưởng triết học Khổng Tử. Chỉ sự điều hoà, thống nhất và cân đối giữa các sự vật khác nhau. Khổng Tử nói: “Quân tử hoà nhi bất đồng, tiểu nhân đồng chi bất hoà” (Luận ngữ. Tử Lộ). Khổng Tử chủ trương lấy học thuyết nhân - lễ thống nhất của mình làm chuẩn tắc cơ bản để hoà hợp với các ý kiến. Ở một loạt các phương diện khác nhau của sự vật như khoan mẫn, tri hành, biện nộ, văn chất, cũng chỉ có đạt được “hoà” xoay quanh nội dung trung tâm là nhân lễ thống nhất này, mới là điều chí thiện chí mỹ. Về chính trị, Khổng Tử còn nêu ra “hoà vô quả” (hoà thì không ít - Luận ngữ. Quý thị), cho rằng các vua chư hầu và các quan đại phu nếu có thể đạt được sự hài hoà, thống nhất, thì sẽ không cảm thấy người ít. Đề tử của Khổng Tử là Hữu Nhược từng khái quát tư tưởng chuộng hoà của Khổng Tử thành “hoà vi quý” (Luận ngữ. Học nhi). Tuy nhiên ở thời đại của Khổng Tử, ông chưa tuyệt đối hoá chữ “hoà”, cho nên nói “Tri hoà nhi hoà, bất dĩ lễ tiết chi, diệc bất khả hành dã” (Luận ngữ. Học nhi). Đối với những kẻ bề ngoài có vẻ như trung hoà song thực ra là bèo trôi theo sóng “ba phải” một cách vô nguyên tắc, thì ông mắng là “hương nguyện, đức chi tắc dã” (Luận ngữ. Dương hoá). Tư tưởng chuộng hoà của Khổng Tử bắt nguồn từ quan niệm chuộng hoà của Sử Bá thời cuối Tây Chu cho đến Ân Anh thời Xuân Thu. Sử Bá nêu ra “Hoà thực sinh vật, đồng tắc bất kế, dĩ tha bình tha vị chi hoà” (Quốc ngữ. Trịnh ngữ). Ân Anh lại phát huy hàm nghĩa của “hoà” là sự tương thành tương tế (giúp nhau hình thành lẫn nhau) của những sự vật tương dị (x. Tả truyện Chiêu Công nhị thập niên). Sau Khổng Tử, tương truyền Tử Tư làm ra thiên Trung dung lại phát huy tư tưởng chuộng hoà của Khổng Tử, coi “hoà” là “đạt đạo” của “thiên hạ” cho rằng “hoà” có thể giải quyết mọi mâu thuẫn của thiên hạ.

Chương thứ hai

Trọng Ni viết: Quân tử trung dung, tiểu nhân phản trung dung; quân tử chi trung dung dã, quân tử nhi thì trung; tiểu nhân chi phản trung dung dã, tiểu nhân nhi vô kỵ ị ị.

仲尼曰：君子中庸，小人反中庸，君子之中庸也，君子而時中；小人之反中庸也，小人而無忌憚也。

Dịch nghĩa:

Trọng Ni nói "Người quân tử thì trung dung, kẻ tiểu nhân thì phản trung dung. Người quân tử trung dung, là vì người quân tử (lời nói cũng như việc làm) luôn luôn ở vào vị trí thích đáng vừa phải. Kẻ tiểu nhân phản trung dung, là vì kẻ tiểu nhân không biết kiêng nể điều gì (nên cứ làm bừa).

Chương thứ ba

Trung dung kỳ chí hỹ hồ! Dân tiến năng cử hỹ.

中庸其至矣乎！民鮮能久矣。

Dịch nghĩa:

Đạo trung dung thật là tuyệt vời! Dân chúng đã từ rất lâu rồi, ít ai có thể làm được.

Chương thứ tư

Tử viết: Đạo chi bất hành dã, ngã tri chi hỹ; trí giả quá chi, ngu giả bất cập dã. Đạo chi bất minh dã, ngã tri chi hỹ; hiền giả quá chi, bất tiểu giả, bất cập dã; nhân mạc bất ẩm thực dã, tiến năng tri vị dã.

子曰：道之不行也，我知之矣；知者過之，愚者，不及也。道之不明也，我知之矣；賢者過之，不肖者，不及也；人莫不飲食也，鮮能知味也。

Dịch nghĩa:

Khổng Tử nói: "Nguyên nhân khiến Đạo không thực hành được, ta đã biết rồi: người trí thì thái quá, kẻ ngu thì bất cập. Nguyên nhân khiến đạo chẳng được người đời hiểu rõ, ta đã biết rồi: người hiền thì thái quá, kẻ bất tiểu thì bất cập. Người ta chẳng có ai không ăn không uống, nhưng rất ít người biết được mùi vị.

Chương thứ năm

Tử viết: Đạo kỳ bất hành hỷ phù.

子曰：道其不行矣夫。

Dịch nghĩa:

Khổng Tử nói: “Đạo có lẽ không thi hành được!”

Chương thứ sáu

Tử viết: Thuần kỳ đại trí dã dư! Thuần hiếu văn nhi hiếu sát nhĩ ngôn, ần ác nhi dương thiện, chấp kỳ lưỡng đoan, dụng kỳ trung ư dân, kỳ tư dĩ vi Thuần hồ?

子曰：舜其大知也與。舜好問而好察邇言，隱惡而揚善，
執其兩端，用其中於民，其斯以爲舜乎？

Dịch nghĩa:

Khổng Tử nói: “Thuần có lẽ là bậc đại trí vậy! Thuần ham học hỏi và khéo xem xét những lời thiên cận (của mọi người), che lấp những điều sai lầm xấu xa trong đó, mà phát huy những điều đúng đắn tốt lành trong đó, nắm lấy hai phía đối lập, chọn lấy cái đúng đắn thích hợp mà vận dụng vào trong dân chúng, đó là cái cách để Thuần trở thành Thuần chăng?”

Chương thứ bảy

Tử viết: “nhân giai viết dư trí, khu nhi nạp chư cổ hộ hãm tình chi trung nhi mạc chi tri tỵ dã. Nhân giai viết dư trí, trạch hồ trung-dung nhi bất năng cơ nguyệt thử giả”.

子曰：人皆曰：予知，軀而納諸罟罟，陷阱之中而幕之知
辟也。人皆曰：予知，擇乎中庸而不能月守也。

Dịch nghĩa:

Khổng Tử nói: “Người ta đều cho mình là trí, nhưng bị xua đuổi dồn vào trong lưới rập và hố cạm bẫy mà chẳng biết tránh. Người ta đều cho mình là trí, nhưng khi đã chọn được đạo Trung dung rồi, thì lại không thể giữ trọn được một tháng”.

Chương thứ tám

Tử viết: “Hồi chi vi nhân dã, trạch hồ Trung dung, đắc nhất thiện tắc quyền quyền phục ứng nhi phát

thất chi hỹ”.

子曰：回之爲人也，擇乎中庸，得一善則拳拳服膺而弗失之矣。

Dịch nghĩa:

Khổng Tử nói: “Cách sống của Nhan Hồi là sau khi nhận rõ được đạo Trung dung, được một điểm đúng thì cẩn thận giữ lấy, ôm vào lòng, không để cho nó mất đi nữa”.

Chương thứ chín

Tử viết: “Thiên hạ quốc gia khả quân dã, tước lộc khả từ dã, bạch nhữn khả đạo dã. Trung dung bất khả năng dã”.

子曰：“天下國家可均也；爵祿可辭也；白刃可道也。中庸不可能也”。

Dịch nghĩa:

Khổng Tử nói: “Thiên hạ, quốc gia có thể [cùng người khác] chia đều ra cùng cai trị; tước vị bổng lộc có thể từ chối không nhận; lưỡi đao sáng trắng cũng có thể dám giẫm lên. Nhưng thực hiện cho được đạo trung dung thì [xem ra] khó hơn nhiều”.

Chương thứ mười

Tử-Lộ vấn cường. Tử viết: “Nam phương chi cường dư? Bắc phương chi cường dư? Úc chi cường dư? Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo, nam phương chi cường dã, quân tử cư chi. Nhậm kim cách, tử nhi bất yếm, bắc phương chi cường dã, nhi cường giả cư chi. Cổ quân tử hoà nhi bất lưu: cường tai kiêu; trung lập nhi bất ý cường tai kiêu, quốc hữu đạo bất biến tắc yên, cường tai kiêu; quốc vô đạo chí tử bất biến, cường tai kiêu!”

子路問強。子曰：南方之強與？北方之強與？抑之強與？寬柔以教，不報無道，南方之強也，君子居之。衽金革，死而不厭，北方之強也，而強者故君子和而不流。強哉矯！中立而不倚，強哉矯！國有道，不變塞焉，強哉矯！國無道，至死不變，強哉矯！

Dịch nghĩa:

Tử Lộ hỏi về sự cương cường. Khổng Tử nói: “Là cái cương cường của người phương nam ư? Hay là nói cái cương cường của người phương bắc? Hay là nói cái cương cường [theo kiểu] của riêng người? Dạy bảo người ta một cách khoan dung dịu dàng, không trả thù kẻ vô đạo đó là cái cương cường của người phương nam, người quân tử giữ sự cương cường đó. Còn ngày đêm bạn cùng giáp bên gươm sắc, dầu chết cũng không

ngán, đó là cái cương cường của người phương bắc, những kẻ thượng võ hiếu đấu thì giữ sự cương cường này! Người quân tử sống hoà mục với mọi người, nhưng không buông trôi theo thói tục, đấy mới là sự cương cường chân chính.

Trung dung, không hề thiên lệch, đó mới là sự cương cường chân chính! Nước có đạo (nước thái bình đi trên con đường đúng đắn) người ấy không thay đổi tiết tháo của mình lúc cùng khốn, đó mới là sự cương cường chân chính! Nước vô đạo (lìa bỏ chính đạo) người ấy thà chết chứ không thay đổi phẩm chất của mình, đó mới là sự cương cường chân chính!

Chương mười một

Tử viết: "Sách ẩn, hành quái, hậu thế hữu thuật yên, ngô phát vi chi hĩ. Quân tử tuân đạo nhi hành. Bán đồ nhi phế, ngô phát năng dĩ hĩ.

Quân tử y hồ trung dung, độn thể, bất kiến tri nhi bất hồi, duy thánh giả năng chí".

子曰：索隱，行怪，後世有述焉，吾弗爲之矣，君子遵道而行。棼途而廢，吾弗能已矣。

君子依乎中庸，遯世，不見知而不悔，唯聖者能之。

Dịch nghĩa:

Khổng Tử nói: "Cố tình tìm kiếm cuộc sống ẩn dật, hành động quái dị, (người như vậy) đời sau có thể được người ta nhắc đến mà ca ngợi, song ta không làm như vậy. Người quân tử phải theo Đạo mà đi. Bỏ dở nửa đường thì ta không làm.

Người quân tử theo đạo Trung dung. Dẫu trốn đời ở ẩn chẳng được ai biết đến, cũng không bao giờ hối hận, chỉ có Thánh nhân mới làm được như vậy".

Chương thứ mười hai

Quân tử chi đạo phí nhi ẩn. Phu phụ chi ngu, khả dĩ dự tri yên. Cập kì chí dã, tuy thánh nhân diệc hữu sở bất tri yên.

Phu phụ chi bất tiểu khả dĩ năng hành yên. Cập kì chí dã, tuy thánh nhân diệc hữu sở bất năng yên.

Thiên địa chi đại dã, nhân do hữu sở hám. Cố quân tử ngữ đại, thiên hạ mạc năng tải yên, ngữ tiểu thiên hạ mạc năng phá yên.

Thi vân: "Diên phi lệ thiên, Ngư dục vu uyên". Ngôn kì thượng hạ sát dã.

君子之道費而隱。夫婦之愚可以與知焉。及其至也，雖

聖人亦有所不知焉。夫婦之不肖可以能行焉。及其至也，
雖聖人亦有所不能焉。

天地之大也，人猶有所憾。故君子語大，天下莫能載
焉，敵小，天下莫能破焉。

詩云：鳶飛戾天，魚躍于淵。言其上下察也。

Dịch nghĩa:

Đạo của người quân tử thật rộng lớn nhưng cũng rất vi diệu khó xét. Dẫu là những người ngu dốt trong đám đàn ông, đàn bà bình thường, cũng có thể biết được phần nào. Còn như đến đỉnh điểm của nó, thì dẫu thánh nhân cũng còn có điều không biết. Dẫu là những người kém cỏi trong đám đàn ông, đàn bà bình thường, cũng có thể thi hành được phần nào. Còn như đến đỉnh điểm của nó, thì dẫu thánh nhân cũng còn có điều không làm được.

Rộng lớn như trời đất, mà người ta còn cảm thấy có chỗ không vừa ý. Cho nên đạo của người quân tử, nếu nói chỗ lớn, thì trong thiên hạ chẳng có gì có thể bao chứa được nó; nếu nói chỗ nhỏ, thì trong thiên hạ chẳng có gì có thể tách chia được nó.

Kinh Thi nói: “Con diều bay lên trời cao, con cá lặn xuống vực sâu”. Tức là nói cả trên trời, dưới đất vậy.

Chú giải:

Chương thứ mười hai này là lời của Tử Tư. Có lẽ nhằm nói rõ ý “đạo bất khả ly” của chương đầu. Tám chương dưới đây dẫn nhiều lời của Khổng Tử để làm rõ thêm điều đó.

Chương thứ mười ba

Tử viết: đạo bất viễn nhân; nhân chi vi đạo nhi viễn nhân, bất khả dĩ vi đạo. Thi vân: phạt kha phạt kha, kỳ tắc bất viễn, chấp kha dĩ phạt kha, nghệ nhi thị chi; do dĩ vi viễn; cố quân tử dĩ nhân tri nhân, cải nhi
chỉ.

子曰：道不遠人；人之爲道而遠人，不可以爲道。詩云：
伐柯伐柯，其則不遠，執柯以伐柯，睨而視之；猶以爲遠；
故君子以人知人，改而止。

Dịch nghĩa:

Khổng Tử nói: “Đạo vốn chẳng xa người. Người ta nếu muốn thực hành đạo mà rời xa con người, như thế thì không thể thực hành được đạo”. Kinh thi nói: “Đẽo cán búa, đẽo cán búa! Thì cách thức đâu có xa (mẫu cán búa ở ngay trước mắt đó). Tay cầm cái búa để gọt đẽo một cái cán búa, chỉ liếc mắt đã có thể

nhìn thấy ngay mẫu, mà còn lấy làm xa". Cho nên người quân tử dùng cái đạo lí vốn sẵn có ở người để uốn nắn sửa chữa con người, kì đến khi uốn nắn sửa chữa được mới thôi.

Trung thứ vi đạo bất viễn, thi chư kỳ nhi bất nguyện, diệc vật thi ư nhân.

忠恕違道不遠，施瀦己而不願，亦勿施於人。

Dịch nghĩa:

Phẩm chất "trung thứ" khác với đạo Trung dung không xa. Điều gì thực hiện cho bản thân mình mà mình không muốn, thì cũng đừng áp đặt cho người khác.

Quân tử chi đạo tứ, Khâu vị năng nhất yên. Sở cầu hồ tử dĩ sự phụ, vị năng giã; sở cầu hồ thần dĩ sự quân, vị năng giã; sở cầu hồ đệ, dĩ sự huynh, vị năng giã; sở cầu hồ bằng hữu tiên thi chi, vị năng giã; dung đức chi hành, dung ngôn chi cần; hữu sở bất túc, bất cảm bất miễn; hữu dư bất cảm tận, ngôn cố hạnh, hạnh cố ngôn; quân tử hồ bất tháo tháo nhĩ.

君子之道四，丘未能一薦，所求乎子，以事父，未能也；所求乎臣以事君，未能也；所求乎弟以事兄，未能也；所求乎朋友，先施之，未能也；庸德之行，庸言之謹，有所不足，不敢不勉。有餘，不敢盡，言顧行，行顧言，君子乎不慥慥爾。

Dịch nghĩa:

Đạo của người quân tử có bốn điều, Khâu tôi chưa làm được một: Điều gì mình yêu cầu ở con, thì mình đem điều đó mà thờ bố, điều này tôi chưa làm được; Điều gì mình yêu cầu ở người thuộc hạ, thì mình đem điều đó mà thờ vua, điều này tôi chưa làm được; Điều gì mình yêu cầu ở người em, thì đem điều đó mà thờ anh, điều này tôi chưa làm được; Điều gì mình yêu cầu ở bạn bè thì đem điều đó mà thực hiện trước với bạn bè mình, điều này tôi chưa làm được. Về việc thi hành những phẩm đức bình thường, cần thận trọng nói năng thường ngày, nếu có chỗ bất túc, thì chẳng dám không cố gắng vươn lên, nếu làm được nhiều hơn nói, thì cũng chẳng dám nói hết. Nói lời phải chú ý đến việc làm của mình, việc làm phải chú ý đến lời nói. Người quân tử có lẽ nào không chăm chăm thực hành điều đó?

Chương thứ mười bốn

Quân tử tố kỳ vị nhi hành, bất nguyện hồ kỳ ngoại. Tố phú quý, hành hồ phú quý; tố bần tiện, hành hồ bần tiện; tố di dịch, hành hồ di dịch; tố hoạn nạn hành hồ hoạn nạn; quân tử vô nhập nhi bất tự đắc yên.

君子素其位而行，不願乎其外。素富貴行乎富貴；素貧賤行乎貧賤；素夷狄行乎夷狄；素患難行乎患難；君子無入而不自得焉。

Tại thượng vị bất lăng hạ, tại hạ vị bất viên thượng; chính kỳ nhi bất cầu ư nhân tắc vô oán; thượng bất oán thiên, hạ bất vuơ nhân.

在上位不陵下，在下位不援上，正己而不求於人，則無怨，上不怨天，下不尤人。

Cố quan-tử cư dĩ dĩ sĩ mệnh; tiểu nhân hành hiểm dĩ kiêu hạnh.

故君子居易以俟命；小人行險以幸。

Tử viết: xạ hữu tự hồ quân tử; thất chư chính học, phản cầu chư kỳ thân.

子曰：射有似乎君子；失諸正鹄，反求諸其身。

Dịch nghĩa:

Người quân tử căn cứ vào địa vị hiện tại của mình mà hành động, không ham cái ở ngoài bốn phận của mình. Ở vào địa vị giàu sang, thì làm theo cách giàu sang; ở vào địa vị nghèo hèn, thì làm theo cách nghèo hèn; ở vào địa vị di địch thì làm theo cách di địch; ở vào cảnh hoạn nạn, thì làm theo cách của người trong hoạn nạn. Quân tử dù ở vào hoàn cảnh nào cũng tự tìm thấy niềm vui của mình (không vì ở vào cảnh nào mà không tự đắc).

Ở địa vị cao, không chèn ép bắt nạt người dưới; ở địa vị thấp, không vin trèo nịnh bợ người trên; giữ đúng bản thân mình mà không xin xỏ người khác, thì không có gì phải oán hận, trên không oán Trời, dưới không trách người.

Cho nên người quân tử cư xử bình dị để chờ mệnh Trời, còn kẻ tiểu nhân thì mạo hiểm để cầu may.

Khổng Tử nói: "Phép bắn cung có chỗ giống như đạo quân tử. Bắn không trúng đích, thì hãy trở lại tìm nguyên nhân ở chính bản thân mình".

Chương thứ mười lăm

Quân tử chi đạo, thí như hành viễn tất tự nhĩ; thí như đăng cao, tất tự ty.

君子之道，如行遠，必自邇；辟如登高，必自卑。

Thi¹ viết: "Thê tử hảo hợp, Như cổ sắt cầm, Huynh đệ kí hấp², hoà lạc thả thâm; nghi nhĩ thất gia, lạc nhĩ thê noa³".

詩曰：妻子好合，如鼓瑟琴。兄弟既翕，和樂且耽。宜爾室家，樂爾妻帑。

Tử viết: "Phụ mẫu kì thuận hĩ hồ"⁴.

子曰：父母其順矣乎！

Dịch nghĩa:

Đạo của người quân tử cũng ví như đi đường xa, tất phải bắt đầu từ chỗ gần, ví như leo lên đỉnh cao, tất phải bắt đầu từ nơi thấp.

Kinh thi nói: “Vợ con hoà hợp, như gảy đàn cầm đàn sắt. Anh em hoà hợp, thì hoà vui lâu dài. Gia đình hoà thuận, vợ con được vui vầy”.

Khổng Tử nói: “Cha mẹ hân là vui lòng vậy!”

Chú giải:

1.Thi. Tiểu nhã. Thường đê 詩. 小雅. 棣, chương 7, câu 1-4 và chương 8, câu 1-2.

Chữ 眈 trong Kinh Thi viết 𦉑 [?]

2.Hấp 翕: nghĩa như “hợp” 合.

3.Noa 帑: con cháu.

4.Từ Tư dẫn lời bình của Khổng Tử khi đọc đến bài Thường đê cốt để làm sáng cái ý “hành viển tự nhĩ” và “đăng cao tự tĩ”.

Chương thứ mười sáu

Tử viết: quỷ thần chi vi đức, kỳ thịnh hĩ hồ; thị chi nhi phát kiến, thính chi nhi phát văn, thể vật nhi bất khả di: Sử thiên hạ chi nhân trai minh thịnh phục dĩ thừa tế tự dương dương hồ như tại kỳ thượng, như tại kỳ tả hữu. Thi¹ viết: “Thần chi cách tư, (1) bất khả đặc² tư, thần khả dịch³ tư⁴; phù vi chi hiển, thành chi bất khả yểm, như thử phù”.

子曰：鬼神之爲德，其盛矣乎！視之而弗見，聽之而弗聞，體物而不可遺。使天下之人齋明盛服以丞祭祀洋洋乎如在其上，如在其左右。詩曰：神之格思，不可度思，矧可射思，夫微之顯，誠之不可揜，如此夫！

Dịch nghĩa:

Công đức của quỷ thần, thật to lớn xiết bao! Dẫu là nhìn thì không thấy, tai cũng không nghe, nhưng thể hiện ra ở mọi vật thì chẳng thể sót thứ gì. Khiến thiên hạ đều trai giới tắm gội, ăn mặc chỉnh tề đẹp đẽ mà tế tự. Dường như khắp nơi đều có linh khí của quỷ thần, như ở trên đầu mọi người, lại như ở bên trái bên phải mọi người.

Kinh thi nói rằng: “Quỷ thần đến với ta lúc nào, ta không thể dò biết được. Ta há dám coi thường mà không cung kính?”. Quỷ thần vừa vi diệu kín đáo, lại vừa hiển hách rõ rệt, sự thành thật không thể che giấu được, chính là như vậy chẳng!

Chú giải:

1.Thi. Đại nhã. 大雅. 抑 chương 7, câu 8-10

2.Đặc 度: thăm dò

3.Dịch 射: Kinh Thi viết 數, nghĩa là chán

4.Tư 思: hư từ cuối câu.

Chương thứ mười bảy

Tử viết: “Thuần kỳ đại hiếu đã dư! Đức vi Thánh nhân, tôn vi Thiên Tử, phú hữu tứ hải chi nội; tông miếu hưởng chi; tử tôn bảo chi. Cổ đại đức tất đắc kỳ vị, tất đắc kỳ lộc, tất đắc kỳ danh, tất đắc kỳ thọ”.

子曰：舜其大孝也與！德爲聖人，尊爲天子，富右四海之內；宗廟饗之，子孫保之。故大德必得其位，必得其祿，必得其名，必得其壽。

Cổ Thiên chi sinh vật, tất nhân kỳ tài nhi đốc yên. Cổ tài giả bồi chi; khuynh giả phúc chi.

故天之生物，必因其材而篤焉。故裁者培之，傾者覆之。

Thi viết: Gia lạc quân tử, hiển hiển lệnh đức; nghi dân nghi nhân, thụ lộc vu Thiên, bảo hữu mệnh chi, tự Thiên nhân chi”.

詩曰：嘉樂君子，憲憲令德，宜民宜人，受祿于天，保佑命之，自天申之。

Cổ đại đức giả tất thụ Mệnh.

故大德者必受命。

Dịch nghĩa:

Khổng Tử nói: “Thuần thật là đại hiếu! Đức đáng gọi là thánh nhân, địa vị tôn quý là thiên tử, của cải bao gồm cả bốn biển, Tông miếu cung phụng ông, con cháu đời đời tế tự ông. Cho nên người có đức lớn ắt có được địa vị, ắt có được hậu lộc, ắt có được danh dự, ắt có được trường thọ”.

Có thể thấy rằng Trời sinh muôn vật, ắt sẽ căn cứ vào tài chất khác nhau của muôn vật mà bồi dưỡng thêm. Đáng vun trồng thì bồi đắp, con vật nghiêng đổ thì vùi lấp đi.

Kinh thi nói: “Người quân tử hiển lành vui tươi, Đức tốt thật là rạng rỡ, Muôn dân và trăm quan thích hợp, Thọ hưởng phúc lộc Trời ban. Trời phù hộ bảo ban Người thành công, Dày tăng thêm phúc lộc cho

Người”.

Cho nên người có đức lớn ắt được thụ mệnh Trời.

Chú giải:

1.Tài 材: tức là cái chất, chất liệu.

2.Đốc 篤: dày, làm cho dày thêm.

3.Thi. Đại nhã. Gia lạc 詩. 大雅. 嘏 樂, chương 1, câu 1-6. Chữ “gia” trong Kinh Thi viết 嘏 là giả tá của chữ “gia” 嘉 này, nghĩa là tốt đẹp.

4.Chữ “hiển hiển” 憲 憲 ở đây nên viết: “hiển hiển” 顯顯 như ở trong Kinh Thi.

5.Thân 申: một lần nữa, lại thêm.

Chương thứ mười tám

Tử viết: "Vô ưu giả, kỳ duy Văn Vương hồ. Dĩ Vương Quý vi phụ, dĩ Võ Vương vi tử; phụ tác chi, tử thuật chi. Võ Vương toàn Thái Vương, Vương Quý, Văn Vương chi tự."

子曰：無憂者，其惟文王乎。以王季為父，以武王為子。
父作之，子述之。武王纘大王、王季、文王之緒。

Nhất hung y, nhi hữu thiên hạ. Thân bất thất thiên hạ chi hiển danh. Tôn vi Thiên tử, phú hữu tứ hải chi nội, tông miếu hưởng chi, tử tôn bảo chi Võ Vương mật thụ Mệnh. Châu công thành Văn Võ chi đức; truy vương Thái Vương, Vương Quý, thượng tự tiên công, dĩ Thiên tử chi lễ. Tư lễ đã đạt hồ chư hầu, đại phu cập sĩ, thứ nhân. Phụ vi đại phu, tử vi sĩ, táng dĩ đại phu, tế dĩ sĩ. Phụ vi sĩ, tử vi đại phu, táng dĩ sĩ, tế dĩ đại phu. Cơ chi tang đạt hồ đại phu. Tam niên chi tang đạt hồ Thiên tử. Phụ mẫu chi tang, vô quý tiện nhất dã.

壹戎衣，而有天下。身不失天下之顯名。尊為天子。富有四海之內。宗廟饗之。子孫保之。武王末受命，周公成文武之德。追王大、王季，上祀先公以天子之禮。斯禮也，達乎諸侯大夫，及士庶人。父為大夫，子為士；葬以大夫，祭以士。父為士，子為大夫；葬以士，祭以大夫。期之喪，達乎大夫；三年之喪，達乎天子；父母之喪，無貴賤，一也。

Dịch nghĩa:

Khổng Tử nói: "Không lo lắng gì, có lẽ chỉ có Văn Vương? Có được Vương Quý làm bố, có được Võ

Vương làm con. Bố thì sáng nghiệp, con thì kế thừa. Võ Vương kế thừa sự nghiệp của Thái Vương, Vương Quý và Văn Vương, một tấm nhung y [diệt được Ân Trụ] mà có được thiên hạ, tự mình có được thanh danh hiển hách trong thiên hạ. Địa vị tôn quý là Thiên tử, giàu có gồm cả trong bốn biển. Tông miếu cung phụng ông, con cháu tế tự ông. Võ vương cuối đời chịu mệnh Trời, Chu Công cuối cùng hoàn thành được công đức của Văn Vương và Võ Vương, truy phong Thái Vương và Vương Quý làm Vương, dùng lễ Thiên tử mà tế tự tổ tiên. Lễ nghi đó mở rộng ra đến chư hầu, đại phu cho đến cả kẻ sĩ và thứ dân. Phàm cha là đại phu, con là sĩ, thì cha chết được chôn cất theo lễ đại phu, tế tự theo lễ sĩ. Cha là sĩ, con là đại phu, thì khi cha chết được chôn cất theo lễ sĩ, tế tự theo lễ đại phu. Khi tang đầy năm thì làm cho đến bậc đại phu. Lễ tang ba năm thì làm đối với Thiên tử. Tang bố mẹ, không phân biệt sang hèn, đều như nhau”.

Chú giải:

1. Nhất nhung y 壹戎衣 Nhung y tức chiến y, giáp trụ. Một lần khoác giáp trụ để đánh diệt Ân Trụ.
2. Thượng tự tiên công 上祀先公 Thờ tự tổ tiên cho lên đến Hậu Tắc (đều dùng lễ Thiên tử).

Chế định thành lễ pháp, cho đến cả thiên hạ cho phép chôn cất theo tước của người chết và tế tự theo lộc của người sống.

Chương thứ mười chín

Tử viết: Võ Vương, Châu Công kỳ đạt hiếu hỷ hòi. Phù hiếu giả, thiện kế nhân chi chí, thiện thuật nhân chi sự giả dã.

子曰:「武王、周公, 其達孝矣乎. 夫孝者, 善繼人之志, 善述人之事者也.

Xuân thu tu kỳ tổ miếu, trần kỳ tông khí, thiết kỳ thường y, tiến kỳ thi thực.

春秋, 修其祖廟, 陳其宗器, 設其裳衣, 薦其時食.

Tông - miếu chi lễ, sở dĩ tự chiêu mục dã. Tự tước, sở dĩ biện quý tiện dã. Tự sự, sở dĩ biện hiền dã.

宗廟之禮, 所以序昭穆也. 序爵, 所以辨貴賤也. 序事, 所以辨賢也.

Lữ thù hạ vị thượng, sở dĩ đãi tiện dã. Yến mao, sở dĩ tự xỉ dã.

旅酬下為上, 所以達賤也. 燕毛所以序齒也.

Tiến kỳ vị, hành kỳ lễ, tấu kỳ nhạc, kính kỳ sở tôn, ái kỳ sự thân, sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn, hiếu chi chí giả.

踐其位, 行其禮, 奏其樂, 敬其所尊, 愛其所親, 事死如

事生，事亡如事存，孝之至也。

Giao Xã chi lễ, sở dĩ sự Thượng đế dã. Tông miếu chi lễ sở dĩ tự hồ kỳ tiên dã. Minh hồ Giao Xã chi lễ. Đế Thường chi nghĩa, trị quốc kỳ như thị chư chương hồ. Hứa đế thập cửu chương.

郊社之禮，所以事上帝也。宗廟之禮，所以祀乎其先也。明乎郊社之禮，禘嘗之義，治國其如示諸掌乎。」右第十九章。

Dịch nghĩa:

Khổng Tử nói: "Võ Vương và Chu Công có thể nói là đạt tới tột bậc đạo hiếu rồi chăng? Gọi rằng hiếu, tức là khéo biết nối chí tiền nhân, khéo biết hoàn thành sự nghiệp của tiền nhân.

Mùa xuân và mùa thu sửa sang tổ miếu, bày đồ tế khí, trần thiết áo xiêm của người xưa, mùa nào tiến dâng thứ ấy. Lễ tiết của tông miếu, cốt là để sắp xếp thứ tự chiêu mục. Sắp xếp thứ tự tước vị, cốt là để phân biệt đẳng cấp quý tiện. Sắp xếp thứ tự chức việc, cốt là để phân rõ tài năng cao thấp. Khi Lữ thù, người bậc thấp rót mời người bậc cao, là cốt để cho người bậc thấp cũng được dự vào yến ẩm. Trong yến ẩm, xếp chỗ ngồi theo tuổi tác, là cốt để phân biệt trẻ già trưởng ấu. Đặt chân lên vị trí của ông cha, hành cái lễ của ông cha, diễn tấu bản nhạc ấy của ông cha, kính trọng những người mà ông cha tôn quý, yêu mến những người mà ông cha từng thân yêu, thờ người đã chết như khi thờ người đang sống, cúng tế vong linh như khi người đang còn, thật là hiếu đến tột bậc vậy! Lễ nghi tế Giao tế Xã, là để thờ Thượng đế. Lễ nghi tông miếu là để tế tự tổ tiên. Biết rõ ý nghĩa của lễ Giao Xã và lễ Đế lễ thường, thì cai trị đất nước cũng dễ như bày ra trên bàn tay vậy.

Chú giải:

1. Chiêu mục 昭穆: Sự sắp xếp thứ tự vai vế ở tông miếu thần chủ ở thái miếu, ở mộ địa và tế tự trong chế độ tông pháp. "Chiêu mục giả, sở dĩ biệt phụ tử, viễn cận, trưởng ấu, thân sơ chi tự nhi vô loạn dã" (Chiêu mục là cốt để phân biệt thứ tự cha con, xa gần, lớn bé, thân sơ, để không rối loạn - Lễ kí Tế thống). Trong tông miếu thì Thái tổ ở giữa, hai bên là giáp thất (tả hữu). Thiên tử tam chiêu tam mục.

Tổ miếu của đời thứ hai, tư, sáu ở phía trước giáp thất tả. Tổ miếu của đời thứ ba, năm, bảy ở phía trước giáp thất hữu. Miếu Thái tổ thì "bách thế bất thiên" (trăm đời không dời - Lễ kí. Đại truyện) còn các tổ tiên khác sau bảy đời thì dời đi. Thế thứ chiêu mục biểu thị thứ tự kế thừa ngôi vua, nếu không phải là cha chết truyền ngôi cho con "thì cũng phải theo thứ tự truyền ngôi mà xếp chiêu mục" (Cù Đồng Tổ, Trung Quốc phong kiến xã hội). Thần chủ trong tổ miếu, cũng là Thái tổ ở giữa, sắp xếp theo thứ tự chiêu mục. Mộ táng cũng "Tiên vương chi táng cư trung, dĩ chiêu mục vi tả hữu" (mộ tiên vương ở giữa, theo chiêu mục mà táng bên tả bên hữu - Chu Lễ. Trưng nhân). Khi tế tự, con cháu xếp hàng để hành lễ cũng có chiêu mục. Thời bấy giờ, hết sức coi trọng khái niệm "chiêu mục", ai vi phạm bị lên án nặng nề.

2. Lữ thù 旅酬: Lữ là lễ tế thần núi. "Quý thị lữ ư Thái Sơn" (Họ Quý tế Lữ ở núi Thái Sơn - Luận ngữ. Bát dật). Lữ vốn là lễ của vua, họ Quý tiến tàm.

Lữ thù ở đây nói chung việc chúc rượu sau khi tế lễ.

3. Giao tế 郊祭. Lễ tế giao, cũng gọi 郊祀 giao tự. Thời cổ, thiên tử "tự thiên địa" (tế Trời Đất) ở ngoại

thành (giao ngoại). Chế độ nhà Chu "đông nhật chí, tế Trời ở Nam giao, để đón ngày dài, hạ nhật chí, tế Địa kì" (Sử kí Phong thiên thư). Trong Khổng Tử gia ngữ. Giao vấn 郊問 có chép câu Khổng Tử trả lời Lỗ Định Công: "Vạn vật bản hồ thiên, nhân bản hồ thổ, Giao chi tế dã" (Muôn vật gốc ở Trời, người ta gốc ở thổ, đó là ý nghĩa của tế Giao). Đời Chu thì tế Hậu Tắc phối thiên, đời Hán thì tế Cao Tổ phối Thiên. Sau đó các triều đại tương truyền, thành đại lễ của thời đại phong kiến. Xã là lễ tế Đất về mùa hạ.

4.Đế Thường chi lễ 禘嘗之禮. Lễ tiết tế tự tổ tiên ở tông miếu thời Chu theo từng mùa. Lễ kí. Tề thống chép. "Phàm tế hữu tứ thời: xuân tế viết Dực, hạ tế viết Đế thu tế viết Thường, đông tế viết Chung (Phàm lễ tế có bốn mùa: Tế mùa xuân gọi là Dực, tế mùa hạ gọi là Đế, tế mùa thu gọi là Thường, tế mùa đông gọi là Chung 蒸). Lễ Đế là lúc dương thịnh, lễ Thường là lúc âm thịnh. Cho nên tế lễ không gì trọng hơn Đế Thường. Đế Thường cũng là cách gọi chung tế lễ bốn mùa thời Chu.

Chương thứ hai mươi

Ai công vấn chính.

哀公問政。

Tử viết: "Văn, Võ chi chính, bố tại phương sách Kỳ nhân tồn, tắc kỳ chính cử. Kỳ nhân vong, tắc kỳ chính tức. Nhân đạo mẫn chính; địa đạo mẫn thụ. Phù, chính dã giả, bồ lư dã. Cổ vi chính tại nhân; thủ nhân dĩ thân; tu thân dĩ đạo; tu đạo dĩ nhân. Nhân giả nhân dã, thân thân vi đại. Nghĩa giả nghi giả; tôn hiền vi đại. Thân thân chi sái, tôn hiền chi đẳng, lễ sở sinh giả.

子曰：「文武之政，布在方策。其人存，則其政舉；其人亡，則其政息。人道敏政，地道敏樹。夫政也者，蒲盧也。故為政在人。取人以身。修身以道。修道以仁。仁者，人也，親親為大。義者，宜也，尊賢為大。親親之殺，尊賢之等，禮所生也。

Tại hạ vị bất hoạch hồ thượng, dân bất khả đắc nhi trị hỷ.

在下位，不獲乎上，民不可得而治矣。

Cổ quân tử bất khả dĩ bất tu thân. Tư tu thân, bất khả dĩ bất sự thân. Tư sự thân, bất khả dĩ bất tri nhân. Tư tri nhân, bất khả dĩ bất tri Thiên.

故君子，不可以不修身。思修身，不可以不事親。思事親，不可以不知人。思知人，不可以不知天。

Thiên hạ chi đạt đạo ngũ; sở dĩ hành chi giả tam. Viết quân thân dã, phụ tử dã, phu phụ dã, côn đệ dã, bằng hữu chi giao dã, ngũ giả thiên hạ chi đạt đạo dã. Trí nhân, dũng tam giả; thiên hạ chi đạt đức dã. Sở dĩ hành chi giả nhất dã.

天下之達道五，所以行之者三，曰：君臣也、父子也、夫

婦也、昆弟也、朋友之交也。五者，天下之達道也。知、仁、勇三者，天下之達德也。所以行之者一也。

Hoặc sinh nhi tri chi; hoặc học nhi tri chi; hoặc khốn nhi tri chi. Cập kỳ tri chi nhất dã. Hoặc an nhi hành chi; hoặc lợi nhi hành chi; hoặc miễn cưỡng nhi hành chi. Cập kì thành công nhất dã.

或生而知之；或學而知之；或困而知之：及其知之，一也。或安而行之；或利而行之；或勉強而行之：及其成功，一也。

Tử viết: "Hiếu học cận hồ trí. Lực hành cận hồ nhân. Tri sĩ cận hồ dũng. Tri tư tam giả, tắc tri sở dĩ tu thân. Tri sở dĩ tu thân, tắc tri sở dĩ trị nhân. Tri sở dĩ trị nhân tắc tri sở dĩ trị thiên hạ quốc gia hỷ.

子曰：「好學近乎知。力行近乎仁。知恥近乎勇。知斯三者，則知所以修身。知所以修身，則知所以治人。知所以治人，則知所以治天下國家矣。

Phạm vi thiên-hạ quốc-gia hữu cứu kinh; viết: tu thân dã, tôn hiền dã, thân thân dã, kính đại thần dã, thể quần thần dã, tử thứ dân dã, lai bách công dã, nhu viễn nhân dã, hoài chư hầu dã.

凡為天下國家有九經，曰：修身也、尊賢也、親親也、敬大臣也、體群臣也、子庶民也、來百工也、柔遠人也、懷諸侯也。

Tu thân, tắc đạo lập. Tôn hiền, tắc bất hoặc. Thân thân tắc chư phụ côn đệ bất oán. Kính đại thần, tắc bất huyển. Thể quần thần, tắc sĩ chi báo lễ trọng. Tử thứ dân, tắc bách tính khuyến. Lai bách công, tắc tài dụng túc. Nhu viễn nhân tắc tứ phương qui chi. Hoài chư hầu, tắc thiên hạ uý chi.

修身，則道立。尊賢，則不惑。親親，則諸父昆弟不怨。敬大臣，則不眩。體群臣，則士之報體重。子庶民，則百姓勸。來百工，則財用足。柔遠人，則四方歸之。懷諸侯，則天下畏之。

Trai minh, thịnh phục, phi lễ bất động; sở dĩ tu thân dã. Khử sàm, viễn sắc, tiện hoá nhi quý đức; sở dĩ khuyến hiền dã. Tôn kỳ vị, trọng kỳ lộc, đồng kỳ hiếu ố, sở dĩ khuyến thân thân dã. Quan thịnh nhậm sử, sở dĩ khuyến đại thần dã. Trung tín, trọng lộc; sở dĩ khuyến sĩ dã. Thi sử, bạc lễ; sở dĩ khuyến bách-tính dã. Nhật tỉnh, nguyệt thí khái lâm xúng sự, sở dĩ khuyến bách-công dã. Tống vãng, nghênh lai, gia thiện, nhi căng bất năng; sở dĩ nhu viễn nhân dã. Kế tuyệt thế, cử phế quốc, trị loạn, trị nguy, triều sính dĩ thì, hậu vãng nhi bạc lại; sở dĩ hoài chư-hầu dã.

齊明盛服，非體不動：所以修身也。去讒遠色，賤貨而貴德，所以勸賢也。尊其位，重其祿，同其好惡，所以勸親親

也.官盛任使,所以勸大臣也.忠信重祿,所以勸士也.時使薄斂,所以勸百姓也.日省月試,既稟稱事,所以勸百工也.送往迎來,嘉善而矜不能所以柔遠人也.繼絕世,舉廢國,治亂持危,朝聘以時,厚往而薄來,所以懷諸侯也.

Phàm vi thiên-hạ quốc-gia hữu cứu kinh; sơ dĩ hành chi giả nhất dã. Phàm sự dự, tắc lập; bất dự, tắc phế. Ngôn tiền định tắc bất cấp. Sự tiền định, tắc bất khốn. Hạnh tiền định, tắc bất cữu. Đạo tiền định, tắc bất cùng.

凡為天下國家有九經,所以行之者一也.凡事,豫則立,不豫則廢.言前定,則不跲.事前定,則不困.行前定,則不疚.道前定,則不窮.

Tại hạ vị bất hoạch hồ thượng, dân bất khả đắc nhi trị hỹ. Hoạch hồ thượng hữu đạo; bất tín hồ bằng-hữu, bất hoạch hồ thượng hỹ. Tín hồ bằng-hữu hữu đạo; bất thuận hồ thân, bất tín hồ bằng-hữu hy. Thuận hồ thân hữu đạo; phản chư thân bất thành, bất thuận hồ thân hy. Thành thân hữu đạo; bất minh hồ thiện bất thành hồ thân hỹ.

在下位不獲乎上,民不可得而治矣.獲乎上有道:不信乎朋友,不獲乎上矣.信乎朋友有道:不順乎親,不信乎朋友矣.順乎親有道:反者身不誠,不順乎親矣.誠身有道:不明乎善,不誠乎身矣.

Thành giả, thiên chi Đạo dã, Thành chi giả, nhân chi Đạo dã. Thành giả, bất miễn nhi trúng; bất tư nhi đắc; thung-đưng Trung-đạo; Thánh-nhân dã. Thành chi giả, trạch thiện nhi cố chấp chi giả dã. Bác học chi, thẩm vấn chi, thận tư chi, minh biện chi, đốc hành chi.

誠者,天之道也.誠之者,人之道也.誠者,不勉而中不思而得:從容中道,聖人也.誠之者,擇善而固執之者也.博學之審問之,慎思之明辨之,篤行之.

Hữu phát học, học chi phát năng, phát thổ dã. Hữu phát vấn, vấn chi phát tri, phát thổ dã. Hữu phát tư, tư chi phát đắc, phát thổ dã. Hữu phát biện, biện chi bất minh, phát thổ dã. Hữu phát hành, hành chi phát đốc, phát thổ dã. Nhân nhất năng chi, kỷ bách chi; nhân thập năng chi, kỷ thiên chi. Quả năng thử đạo hỹ, tuy ngu tất minh, tuy nhu tất cường.

有弗學,學之弗能,弗措也.有弗問,問之弗知,弗措也.有弗思,思之弗得,弗措也.有弗辨,辨之弗明,弗措也.有弗行,行之弗篤,弗措也.人一能之,己百之.人十能之,己千之.果能此道矣,雖愚必明,雖柔必強.」

Dịch nghĩa:

[Lỗ] Ai Công hỏi việc chính trị.

Khổng Tử đáp: "Chính sự của Văn Vương, Võ Vương đều ghi chép ở trong điển tịch cả. Nếu ngày nay vẫn còn những con người như Văn Vương Võ Vương, thì chính sự ấy có thể thi hành được. Không còn những con người như vậy, thì chính sự ấy cũng chấm dứt. Người [cầm quyền] có tài đức thì chính sự mau thịnh, [cũng giống như] đất màu mỡ thì cây cối mau sinh trưởng. Chính sự, cũng như cây lau cây sậy vậy [sinh trưởng rất nhanh]. Cho nên thi hành chính sự, cốt ở con người. Chọn dùng được người là cốt ở mình. Sửa mình thì phải theo Đạo, theo Đạo thì trước hết phải "nhân". "Nhân" chính là tính người, kính yêu người thân là điều lớn nhất [trong chữ nhân]. "Nghĩa" chính là "nghĩ", là cư xử cho hợp lẽ, tôn trọng người hiền là điều lớn nhất [trong chữ "nghĩa"]. Kính trọng người thân có phân biệt thân sơ, tôn trọng người hiền có phân chia đẳng cấp, lẽ từ đó mà sinh ra.

Cho nên người quân tử không thể không tu thân. Muốn tu thân không thể không kính thờ cha mẹ. Muốn kính thờ cha mẹ, không thể không hiểu biết [đạo] người. Muốn hiểu biết [đạo] người, không thể không hiểu biết [đạo] Trời.

Đạo lí luân thường chung trong thiên hạ có năm điều dùng để thực hành năm điều ấy phải có ba phẩm chất. Đó là vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bằng hữu năm mối quan hệ ấy là đạo lí luân thường chung trong thiên hạ. Còn ba điểm trí, nhân, dũng là những phẩm đức chung trong thiên hạ, [Ba phẩm đức để thi hành năm đạo là tuy là ba nhưng cũng như một.

Có những người sinh ra đã biết điều đó, có những người phải học rồi mới biết điều đó, lại có những người gặp khốn hoặc rồi mới biết điều đó. Nhưng khi đã biết rồi thì cũng như nhau. Có người thực hành điều đó một cách an nhiên thoải mái, có người thấy lợi rồi mới thực hành điều đó; cũng có người thực hành điều đó một cách miễn cưỡng. Nhưng đến khi họ thành công, thì cũng như nhau.

Khổng Tử nói: "Hiếu học thì gần với trí, gắng sức thi hành thì gần với nhân, biết xấu hổ thì gần với dũng. Biết ba điều đó tức là biết cách tu thân. Biết cách tu thân thì biết cách trị lý người khác. Biết cách trị lý người khác thì biết cách trị lý thiên hạ quốc gia. Trí lí thiên hạ quốc gia có chín cương lĩnh thường xuyên đó là: tu dưỡng bản thân, tôn trọng người hiền, yêu quý người thân, tôn kính đại thần, thể sát quần thần, thương yêu thứ dân (như con), chiêu mộ bách công sẵn sàng [những kẻ] biên viễn, vỗ về chư hầu. Tu dưỡng bản thân, thì đạo đức được xác lập. Tôn trọng người hiền thì không ngu tối mê hoặc. Yêu quý người thân thì chú bác anh em không oán. Tôn kính đại thần thì không bị huyễn hoặc. Thể sát quần thần thì kẻ sĩ sẽ báo đáp bằng lễ trọng. Chiêu mộ bách công thì của cải đồ dùng sung túc. Sẵn sàng biên viễn thì bốn phương quy thuận. Vỗ về chư hầu thì khắp thiên hạ kính sợ.

Trai giới sạch sẽ, y phục chỉnh tề, không làm điều trái lẽ, đó là cách để tu dưỡng bản thân. Bỏ kẻ sàm nịnh, xa lánh nữ sắc, coi thường của cải mà quý trọng đạo đức, đó là cách để khuyến khích người hiền. Đề cao địa vị của họ, tăng thêm bổng lộc cho họ, với họ chung niềm yêu ghét, đó là cách để khuyến khích mọi người thương yêu người thân. Bố trí nhiều thuộc quan cho các đại thần để họ sai khiến, đó là cách để khích lệ đại thần. Tin dùng và cho thêm lộc trọng, đó là cách để khuyến khích kẻ sĩ. Sử dụng đúng lúc, giảm nhẹ thuế khoá, đó là cách để khuyến khích trăm họ. Kiểm tra hằng ngày, sát hạch hằng tháng phát lương xứng đáng với công lao, đó là cách để khích lệ bách công. Đưa đón đầy đủ, khen thưởng người giỏi mà thương xót người kém cỏi, đó là cách để sẵn sàng kẻ biên viễn. Nối lại những thế hệ đã đoạn tuyệt (đặt người nối dõi cho các chư hầu bị tuyệt tự), khôi phục lại các nước bị diệt vong, sửa trị tình hình bạo loạn, nâng đỡ các nước nguy yếu, triều kiến tiếp đón đúng lúc, giảm nhẹ cống nạp tăng thêm ban thưởng, đó là cách để vỗ về chư hầu.

Phàm cai trị thiên hạ quốc gia có chín cương lĩnh ấy, nhưng để thi hành chúng, chỉ có một điều, đó là

"thành".

Mọi việc phải có chuẩn bị thì mới thành công, không có chuẩn bị trước thì sẽ thất bại. Trước khi nói có chủ định, thì không vấp vấp. Trước khi làm có chủ định thì không khốn đốn. Trước khi hành động, có chủ định thì không sai lầm. Trước khi hành đạo có chủ định thì không lúng túng bế tắc.

Ở vị trí dưới, nếu không được bề trên tin dùng, thì không cai trị được dân chúng. Muốn được bề trên tin dùng, cũng có cách của nó: nếu không thủ tín với bạn bè, thì sẽ không được bề trên tin dùng. Thủ tín với bạn bè cũng có cách của nó: nếu không hiểu thuận với cha mẹ, thì không thủ tín được với bạn bè. Hiểu thuận với cha mẹ cũng có cách của nó: nếu tự hỏi lại mình mà không có lòng thành thì không hiểu thuận được với cha mẹ. Muốn có lòng thành thì cũng có cách của nó: nếu không hiểu rõ thế nào là thiện thì không thể có lòng thành.

Thành vẫn là đạo của Trời. Muốn đạt được thành, là đạo của người. Thành [của Trời] là không phải miễn cưỡng cũng tự nhiên thích hợp, không phải suy nghĩ gì cũng tự nhiên có được, cứ ung dung mà hợp với đạo: chỉ có thánh nhân mới được thế. Còn đạt tới thành [bằng thực tiễn] thì phải chọn tùy điều thiện mà kiên trì cố giữ. Học cho rộng, hỏi cho kĩ, suy nghĩ cho cẩn thận, phân biện cho rạch ròi, thực hành cho kiên định (đến nơi đến chốn).

Không học thì thôi, chứ đã học nếu chưa biết thì chưa buông. Không hỏi thì thôi, chứ đã hỏi nếu chưa hiểu thì chưa buông. Không suy nghĩ thì thôi, chứ đã suy nghĩ, nếu chưa rõ thì chưa buông. Không phân biện thì thôi, chứ đã phân biện, nếu chưa rạch ròi thì chưa buông. Không thực hành thì thôi chứ đã thực hành, nếu chưa đến nơi đến chốn thì chưa buông. Người khác một lần mà làm được, thì mình bỏ công một trăm lần; người khác mười lần mà làm được, thì mình bỏ công một ngàn tấn. Nếu quả thật làm được theo cách đó, thì dầu là người ngu rồi cũng sẽ nhất định sáng ra, dầu là người yếu rồi cũng sẽ nhất định mạnh lên.

Chương thứ hai mươi một

Tự thành minh, vị chi tính. Tự minh thành, vị chi giáo. Thành, tắc minh hỹ. Minh, tắc thành hỹ.

自誠明，謂之性；自明誠，謂之教。誠則明矣；明則誠矣。

Hữu đệ nhị thập nhất chương. Tử Tư thừa thượng chương Phu tử Thiên đạo, Nhân đạo chi ý, nhi lập ngôn giả. Tự thử dĩ hạ thập nhị chương, giai Tử - Tư chi ngôn, dĩ phản phúc suy minh thử chương chi ý.

右第二十一章。子思承上章夫子天道，人道之意，而立言也。自此以下十二章，皆子思之言，以反覆推明此章之意。

Dịch nghĩa:

Do nội tâm chân thành mà sáng tỏ được sự lí, đó gọi là bản tính [tiên thiên]. Do sáng tỏ sự lí mà trở nên chân thành, đó gọi là giáo hoá [hậu thiên]. Chân thành thì nhất định sẽ sáng tỏ được sự lí, sáng tỏ sự lí cũng nhất định sẽ chân thành.

(Trên đây là chương thứ hai mươi mốt. Tử Tư tiếp theo ý của Khổng Tử về đạo Trời, đạo Người ở chương trước mà trình bày ý kiến. Mười hai chương dưới đây đều là lời của Tử Tư lật đi lật lại vấn đề nhằm làm sáng tỏ ý của chương này).

Chú giải:

1. Thành 誠: là một phạm trù triết học của Nho gia. Nghĩa gốc của nó là thật thà, chỉ nói năng xử sự đúng đắn chân thực không xằng bậy và thành thật không dối trá.

Trong Luận ngữ, Khổng Tử tuy chưa nói rõ "thành", song ông đã nêu ra "Ngôn trung tín, hành đốc kính" (Luận ngữ. Học nhi). "Kính sự nhi tín", "Đốc tín hiếu học, thủ tử thiện đạo" (Thái Bá) v.v, đã đề cập đến nội dung cơ bản hàm chứa trong khái niệm "thành" rồi. Thiên Quân đạo sách Thuyết uyển có ghi lời Khổng Tử nói: "Chu Công đãi kị hành hoá nhi thiên hạ thuận chi, kị thành chí hĩ". (Chu Công mang mình ra thi hành giáo hoá, mà thiên hạ thuận theo, lòng thành ấy đã đến tột bậc). Đây chưa chắc đã là lời nguyên vẹn của Khổng Tử.

Trung dung và Mạnh Tử bắt đầu nâng "thành" lên làm một phạm trù triết học. Trung dung đã tập trung nói về "thành" ở chương 20 và chương 21 này. Mạnh Tử Li Lâu thượng cũng nói: "Thành giả, Thiên chi đạo dã. Tư thành giả, nhân chi đạo dã" đều coi "thành" vừa là "thiên chi đạo", lại vừa giải thích là cội của "thánh nhân". Cho rằng giữa "thành" đạo Trời với "thành" đạo Người vừa khác nhau tại vừa thống nhất với nhau. Đạo Người thông qua sự tu dưỡng khắc kỉ gò mình bằng "tư thành" 思誠, "chí thành" 至誠 mà đạt tới cội đạo đức "thành" thiên nhân hợp nhất. Cho nên, "thành" vừa là một phạm trù đạo đức, lại vừa có ý nghĩa bản thể luận và nhận thức luận. Tuân Tử cuối thời Chiến Quốc kế thừa và phát huy tư tưởng này, cho rằng "thành" vừa là nguyên tắc cơ bản để tu thân dưỡng tâm, cũng vừa là quy luật vận hành biến hoá của tự nhiên. Ông nói: "Quân tử dưỡng tâm mạc thiện ư thành", "phù thành giả, quân tử chi sở thủ dã, nhi chính sự chi bản dã" (Quân tử dưỡng tâm, không có gì tốt hơn "thành"). ("Thành" là điều người quân tử phải giữ, và là gốc của chính sự vậy), lại nói "biến hoá đại hưng... Tứ thời bất ngôn nhi bách tính kì yên, phù thử hữu thường, dĩ chí kì thành giả dã". (Biến đổi thay nhau nổi lên... bốn mùa không nói gì mà trăm họ mong ở đó, đó là do hữu thường và tuyệt đối thành thực vậy - Tuân Tử. Bất cầu). Lí Cao thời Đường 李翱 coi, "thành" là cội tinh thần của thánh nhân. Ông nói: "Thành giả, thánh nhân chi tính dã, tịch nhiên bất động, quảng đại thanh minh, chiếu hồ thiên địa, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố, hành chỉ ngữ mặc, vô bất xử ư cực dã" (Thành là bản tính của thánh nhân, lặng lẽ bất động, rộng lớn trong sáng, soi vào Trời Đất, cảm mà thông với mọi việc trong thiên hạ, ngừng hành động, im lời nói, không có cái gì không ở vào tột đỉnh - Phục tính thư) Chu Đôn Di thời Bắc Tống cũng coi "thành" là bản tính của thánh nhân. Ông nói: "Thành giả, thánh nhân chi bản. Đại tai càn nguyên, vạn vật tư thử, thành chi nguyên dã" (Thành là gốc của thánh nhân. Lớn thay đạo lớn của càn, vạn vật sinh ra ở đó, thành là nguồn gốc vậy - Thông thư). Trình Di cho rằng "Thành giả, lí chi thực nhiên, trí nhất nhi bất khả dịch giả dã" (Thành là

cái lẽ thực là cái đạt tới duy nhất không thể thay đổi được - Kinh thuyết quyển 8). Chu Hi thời Nam Tống giải thích "thành" như sau: "Thành giả chân thực vô vọng chi vị, thiên lí chi bản nhiên". (Thành tức là chân thực đúng đắn, không bậy bạ, là lẽ trời vốn như vậy - Trung dung chương cú). Trình Chu vẫn nhập làm một quy luật tự nhiên với nguyên tắc đạo đức. Vương Phu Chi 王夫之 ở giao thời Minh Thanh cho rằng "thành" tức là "thiên địa hữu kì lí" (Trời Đất có cái lí của nó), "thiên địa thực nhiên, vô nhân vi nhân ngụ dã" (Trời đất quả thật như vậy, không có sự bày đặt của người. - Trương Tử chính môg chú. Thành minh 張子正蒙注誠明). Cho nên "thành" là nói tổng quát vạn lí, là "ước thiên hạ chi lí nhi vô bất tận, quán vạn sự chi trung nhi vô bất thông dã" (Rút gọn cái lí của thiên hạ không thiếu một thứ gì, xuyên suốt giữa muôn việc mà chẳng có gì không thông suốt vậy - Độc Tứ thư đại toàn thuyết, quyển 3). Ông còn dùng "thực hữu" để giải thích "thành": "phù thành giả, thực hữu giả dã. Tiên hữu sơ thủy hậu hữu sở chung dã. Thực hữu giả, thiên hạ chi công hữu dã". (Thành tức là cái thực có. Trước có chỗ bắt đầu, sau có chỗ kết thúc. Thực

có, tức là thiên hạ đều có chung vậy - Thượng Thư dẫn nghĩa, quyển 3).

Chương thứ hai mươi hai

Duy thiên hạ chí Thành vi năng tận kỳ tính. Năng tận kỳ tính, tắc năng tận nhân chi tính. Năng tận nhân chi tính, tắc năng tận vật chi tính. Năng tận vật chi tính, tắc khả dĩ tán Thiên Địa chi hoá dục. Khả dĩ tán Thiên Địa chi hoá dục, tắc khả dĩ dĩ Thiên Địa tham hỷ.

唯天下至誠為能盡其性。能盡其性，則能盡人之性。能盡人之性，則能盡物之性。能盡物之性，則可以贊天地之化育。可以贊天地之化育，則可以與天地參矣。

Dịch nghĩa:

Chỉ có người có được đức "thành" tối cao trong thiên hạ mới có thể thể hiện được hết cái bản tính [thiên phú] của mình. Thể hiện được hết bản tính của mình, thì phát huy được hết bản tính của người. Phát huy được hết bản tính của người, mới phát huy được hết bản tính của vật. Phát huy được hết bản tính của vật thì có thể giúp cho sự hoá dục của Trời Đất, có thể cùng với Trời Đất đứng sánh làm ba vậy.

Chương thứ hai mươi ba

Kỳ thứ trí khúc. Khúc năng hữu thành. Thành, tắc hình: hình tắc trứ, trứ, tắc minh; minh, tắc động; động, tắc biến; biến, tắc hoá, duy thiên-hạ chí thành vi năng hoá.

其次致曲。曲能友誠。誠則形。形則著。著則明。明則動。動則變。變則化。唯天下至誠為能化。

Dịch nghĩa:

Sau đó một bậc là "khúc", tức là phải bắt đầu từ việc suy cứu một phương diện nào đó của sự lí, "Khúc" cũng có thể đạt tới "thành". "Thành" thì sẽ biểu hiện ra ngoài, biểu hiện ra ngoài thì sẽ rõ; rõ thì sẽ sáng; sáng thì sẽ động; động thì sẽ biến; biến thì sẽ hoá. Chỉ có đạt tới chí thành trong thiên hạ thì mới có thể có công hoá dục.

Chú giải:

1. Khúc 曲, ở đây được giải thích là một phần, một phương diện của sự lí.

Một thuyết khác giải thích "khúc" là cong vậy. Tuy là cong vậy nhưng nếu ra công học hỏi và tu dưỡng

đạo lí thì dần dần cũng có thể trở nên ngay thẳng, thành thật.

2. Động 動, có thể giải thích là cảm động ngoại vật.

Chương thứ hai mươi tư

Chí Thành chi đạo khả dĩ tiên tri. Quốc gia tương hưng, tất hữu trình tường; quốc gia tương vong, tất hữu yêu nghiệt: hiện hồ thi quy, động hồ tứ thể. Hoạ phúc tương chí, thiên tất tiên tri chi, bất thiện tất tiên tri chi. Cố chí thành như thần.

至誠之道可以前知. 國家將興, 必有禎祥; 國家將亡, 必有妖孽. 見乎蓍龜, 動乎四體. 禍福將至, 善必先知之; 不善, 必先知之. 故至誠如神.

Dịch nghĩa:

Đạo "thành" tối cao (chí thành) có thể dùng để biết trước (dự đoán tương lai). Quốc gia sắp hưng thịnh, ắt có điềm lành. Quốc gia sắp diệt vong, ắt có yêu nghiệt (mầm mống của tai hoạ). Điềm lành và yêu nghiệt có thể hiện ra trong cỏ thi mai rùa (khi chiêm bốc), thể hiện ra ở cử chỉ hành động (chân tay) của người ta. Hoạ phúc sắp đến, là điều lành, ắt có thể biết trước, là điều chẳng lành, ắt có thể biết trước. Bởi thế nói rằng bậc chí thành là như thần (có thể biết trước mọi điều lành dữ).

Chú giải:

1. Yêu nghiệt: 妖孽 Số: "Yêu nghiệt, vị hung ác chi manh triệu dã". (Yêu nghiệt là triệu chứng dữ xấu).

2. Sử kí - Quy sách truyện có câu: "Yêu nghiệt sát kiến" (Yêu nghiệt xảy ra luôn). Chú dẫn Thuyết văn: "Y phục ca dao thảo mộc chi quái vị chi yêu, cầm thú trùng hoàng chi quái vị chi nghiệt" (những sự quái gở ở quần áo, ca dao, cây cỏ gọi là yêu, những sự quái gở ở cầm thú sâu hại châu chấu... gọi là nghiệt).

Chương thứ hai mươi

Thành giả, tự thành dã; nhi Đạo, tự đạo dã. Thành giả, vật chi chung thủy. Bất thành vô vật. Thị cố quân tử thành chi vi quý.

誠者自成也，而道自道也。誠者，物之終始。不誠無物。是故君子誠之為貴。

Thành giả, phi tự thành kỳ nhi dĩ dã, sở dĩ thành vật dã. Thành kỳ, nhân dã, thành vật, trí dã; tính chi đức dã; hợp ngoại nội chi đạo dã. Cố thì thổ chi nghi dã.

誠者，非自成己而已也。所以成物也。成己仁也。成物知也。性之德也，合外內之道也。故時措之宜也。

Dịch nghĩa:

Thành tự nó hoàn thành, còn Đạo tự nó vận hành. Thành là căn bản của muôn vật, không có thành thì không có muôn vật. Bởi thế người quân tử lấy việc đạt tới "thành" làm quý.

Thành chẳng phải là tự mình hoàn thành mà thôi, mà còn là hoàn thành muôn vật. Tự mình hoàn thành, đó là "nhân", hoàn thành muôn vật, gọi là "trí" [Nhân và trí] là sự thể hiện đức của thiên tính, cũng là sự kết hợp của đạo trong và ngoài. Cho nên thi thổ bất cứ lúc nào cũng được thích nghi vậy.

Chú giải:

1. Câu thứ nhất của chương này, cũng có người hiểu là: "Thành thật tức là mình thành tựu, còn Đạo là con đường mình phải noi theo".

Chương thứ hai mươi sáu

Cố chí Thành vô tức. Bất tức tắc cửu; cửu tắc trung, trung tắc du viễn; du viễn tắc bác hậu; bác hậu tắc cao minh.

故至誠無息。不息則久，久則徵。徵則悠遠。悠遠，則博厚。博厚，則高明。

Bác hậu, sở dĩ tài vật dã; cao minh, sở dĩ phúc vật dã; du cửu, sở dĩ thành vật dã. Bác hậu phối địa; cao minh phối thiên; du cửu vô cương. Như thử giả, bất hiện nhi chương, bất động nhi biên; vô vi nhi thành.

博厚，所以載物也。高明，所以覆物也。悠久，所以成物也。博厚，配地。高明，配天。悠久，無疆。如此者，不見而章，不動而變，無為而成。

Thiên Địa chí Đạo, khả nhất ngôn nhi tận dã: vi vật bất nhị, tắc kỳ sinh vật bất trắc. Thiên Địa Đạo bác

dã, hậu dã, cao dã, minh dã, du dã, cữu dã.

天地之道，可一言而盡也。其為物不貳，則其生物不測。
天地之道，博也、厚也、高也、明也、悠也、久也。

Kim phù thiên, tứ chiều chiều chi đa, cập kỳ vô cùng dã: nhật nguyệt tinh - thần hệ yên; vạn vật phúc yên.

今夫天，斯昭昭之多，及其無窮也，日月星辰系焉，萬物覆焉。

Kim phù địa, nhất toát thổ chi đa, cập kỳ quảng hậu tải Hoa nhạc nhi bất trọng, chấn hà hải nhi bất tiết; vạn vật tải yên.

今夫地，一撮土之多，及其廣厚，載華岳而不重，振河海而不泄，萬物載焉。

Kim phù sơn, nhất quện thạch chi đa, cập kỳ quảng đại thảo mộc sinh chi; cầm thú cư chi; bảo tàng hưng yên.

今夫山，一卷石之多，及其廣大，草木生之，禽獸居之，寶藏興焉。

Kim phù thủy, nhất thực chi đa, cập kỳ bất trắc nguyên, đà, giao, long, ngư, miết sinh yên; hoá tài thực yên¹.

今夫水，一勺之多，及其不測，黿鼉、蛟龍、魚鱉生焉，貨財殖焉。

Thi vân: "Duy Thiên chi mệnh, ô mục bất dĩ!"

《詩》云，「維天之命，於穆不已。」

Cái viết: Thiên chi sở dĩ vi Thiên dã: "Ô hô! bất hiển! Văn - vương chi đức chi thuần.

蓋曰，天之所以為天也。「於乎不顯，文王之德之純²。」

Cái viết: Văn - vương chi sở dĩ vi Văn dã, thuần diệc bất dĩ.

蓋曰，天之所以為天也。「於乎不顯，文王之德之純。」蓋曰，文王之所以為文也。純亦不已。

Dịch nghĩa:

Cho nên Chí Thành (đạo Thành tối cao) không bao giờ ngưng nghỉ, không ngưng nghỉ thì có thể dài lâu; dài lâu thì có hiệu nghiệm; có hiệu nghiệm thì có thể lâu xa vô cùng; lâu xa vô cùng thì rộng và dày, rộng và dày thì cao và sáng.

Rộng và dày là để chở mọi vật, cao và sáng là để che mọi vật. Lâu xa vô cùng là để hoàn thành [sự sinh trưởng của] mọi vật. Rộng và dày có thể sánh với Đất, cao và sáng có thể sánh với Trời, lâu xa vô cùng thì mãi mãi trường tồn. Được như vậy, thì dầu không hiện ra cũng vẫn sáng rõ, dầu không động cũng vẫn biến hoá, dầu không làm gì cũng vẫn thành công.

Đạo của Trời Đất có thể dùng một chữ mà khái quát được hết: đó là "Thành". Trời Đất chân thành chỉ một không hai, thì sinh trưởng ra muôn vật thần kì khôn lường. Đạo của Trời Đất thật là rộng và dày, cao và sáng, lâu xa vô cùng.

Hãy nói như Trời kia, thì chỉ là một khoảng những chỗ sáng nhưng cả cái chỉnh thể vô cùng vô tận của nó thì Nhật Nguyệt tinh tú đều treo cả vào đó, muôn vật đều được che dưới đó. Hay nói như Đất kia, chẳng qua chỉ là từng nấc từng nhúm đất bụi, nhưng cả cái chỉnh thể rộng dày của nó, thì nó chở cả núi Hoa sơn mà không lấy làm nặng, gom chứa tất cả các sông biển mà không chảy đi đâu một giọt; muôn vật đều được chở trên đó.

Hay nói như núi kia, chẳng qua chỉ là từng hòn đá hợp thành, nhưng cả cái chỉnh thể rộng lớn của nó, thì cỏ cây sinh sống ở đó, chim muông cư trú ở đó, bao nhiêu kho báu khai quật lên từ đó.

Hay nói như nước kia, chẳng qua chỉ là từng gáo nước hợp thành, nhưng cả cái chỉnh thể rộng lớn vô bờ của nó thì rùa, sấu, giao long, cá tôm, ba ba sinh sống ở đó, bao nhiêu của cải sinh sôi từ đó.

Kinh Thi¹ nói: "Chỉ có: Mệnh Trời, ôi, sâu kín và không ngơi nghỉ!".

Có lẽ muốn nói lên cái đạo lí Trời sở dĩ là Trời.

Kinh Thi² lại nói: "Há không rạng rỡ sao, cái đức thuần khiết của Văn Vương".

Có lẽ muốn nói cái đạo lí Văn. Vương được thụ là Văn, là vì cái đức thuần khiết của ông cũng không hề ngơi nghỉ!

Chú giải:

1.Thi. Chu tụng. Duy Thiên chi mệnh 詩周頌維天之命 chương 1, câu 1 - 2.

2.Như trên, câu 3 - 4.

3.Nguyên 龜: con rùa lớn

4.Đà 鼉: con cá sấu

5.Miết 鼃: con ba ba

Chương thứ hai mươi bảy

Đại tai Thánh nhân chi đạo! Dương dương hồ, phát dục vạn vật; tuần, cực vu thiên. Ưu ưa đại tai! Lễ nghi tam bách uy nghi tam thiên. Đãi kỳ nhân nhi hậu hành. Cổ viết: Cầu bất chí đức, chí Đạo bất ngưng yên.

大哉聖人之道！洋洋乎，發育萬物，峻極於天。優優大哉，禮儀三百威儀三千。待其人而後行。故曰，「苟不至德，至道不凝焉。」

Cổ quân tử tôn đức tính, nhi đạo văn học, trí quảng đại, nhi tận tinh vi; cực cao minh, nhi đạo Trung dung, ôn cố, nhi tri tân; đôn hậu dĩ sùng lễ.

故君子尊德性，而道問學，致廣大，而盡精微，極高明，而道中庸。溫故，而知新，敦厚以崇禮。

Thị cố cư thượng, bất kiêu; vi hạ, bất bội. Quốc hữu đạo, kỳ ngôn túc dĩ hưng, quốc vô đạo, kỳ mặc túc dĩ dung.

是故居上不驕，為下不倍。國有道，其言足以興；國無道，其默足以容。

Thi viết: "Ký minh thả triết; Dĩ bảo kỳ thân" Kỳ thử chi vị dư.

詩曰：「既明且哲，以保其身。」其此之謂與？

Dịch nghĩa:

Lớn thay, Đạo của thánh nhân! Mênh mông vô bờ, phát dục muôn vật. Cao vút tận trời cao. Đầy đủ mà dồi dào thay, cương yếu lớn của Lễ (Lễ - nghi) có ba trăm điều Quy tắc chi tiết của Lễ (Uy nghi) có ba ngàn điều, đang chờ đợi bậc hiền nhân chân chính để được thi hành. Cho nên nói rằng: Nếu không có chí đức (đức hạnh tối cao) thì chí đạo (đạo tối cao) chẳng thể hoàn thành.

Cho nên người quân tử vừa tôn trọng cái bản lĩnh đạo đức tiên thiên, lại vừa chăm lo học hỏi [hậu thiên]. Vừa cố gắng đạt tới những lĩnh vực rộng lớn, lại vừa hết sức đi sâu vào chốn tinh vi; vừa đạt tới cõi cao minh, lại vừa theo đạo Trung dung. Ôn cũ để biết mới, tăng cường đạo đức cho sâu dày để sùng chuộng lễ nghĩa.

Vì thế, ở ngôi cao, không kiêu; làm thần hạ không bội phản vô lễ. Nước có đạo, thì lời nói ra có thể làm quốc gia hưng thịnh. Nước vô đạo, thì im lặng đủ để dung thân. Kinh Thi nói: "Thông minh và sáng suốt, bảo toàn được thân mình". Có lẽ là nói về điều này chăng?

Chú giải:

1. Tuấn 峻: Cao vút
2. Ưu ưu 優優: Sung túc dồi dào.
3. Lễ nghi 禮儀: là kinh lễ.
4. Uy nghi 威儀: là Khúc Lễ.
5. Thi - Đại nhã. Chung dân 詩大雅蒸民 chương 4, câu 5 - 6.

Chương thứ hai mươi tám

Tử viết: "Ngu nhi hiếu tự dụng, tiện nhi hiếu tự chuyên, sinh hồ kim chi thể, phản cổ chi đạo; như thử già, tai cập kỳ thân già dã."

子曰:「愚而好自用, 賤而好字專. 生乎今之世, 反古之道. 如此者菑及其身者也.」

Phi Thiên tử, bất nghị lễ, bất chế độ, bất khảo văn Kim thiên-hạ, xa đồng quĩ, thư đồng văn, hạnh đồng luân.

非天子不議禮, 不制度, 不考文. 今天下, 車同軌, 書同文, 行同倫.

Tuy hữu kỳ vị, cầu vô kỳ đức, bất cảm tác lễ nhạc yên. Tuy hữu kỳ đức, cầu vô kỳ vị, diệc bất cảm tác lễ nhạc yên".

雖有其位, 苟無其德, 不敢作禮樂焉. 雖有其德, 苟無其位, 亦不敢作禮樂焉.

Tử viết: "Ngô thuyết Hạ lễ, Kỳ bất túc trưng dã. Ngô học Ân lễ, hữu Tống tồn yên. Ngô học Chu lễ, kim dụng chi; ngô tông Chu".

子曰,「吾說夏禮, 杞不足徵也. 吾學殷禮, 有宋存焉. 吾學周禮, 今用之. 吾從周.」

Dịch nghĩa:

Khổng Tử nói: "Kẻ ngu dốt mà thích tự tiện làm bừa, kẻ ti tiện mà thích độc đoán chuyên quyền, sống ở đời nay mà muốn quay lại cách làm thời xưa. Những người như vậy tai hoạ nhất định sẽ rơi vào thân."

Nếu không phải là bậc thiên tử, thì không bàn về lễ, không chế định phép tắc, không khảo đính văn tự.

Thiên hạ đời nay, xe chung cỡ bánh; viết chung thể chữ, hành vi chung chuẩn mực.

Dầu cho có ngôi thiên tử, nếu không có đạo đức của bậc thiên tử, cũng không dám chế tác lễ nhạc. Dầu cho có đạo đức của bậc thiên tử mà không có ngôi thiên tử, cũng không dám chế tác lễ nhạc.

Khổng Tử nói: "Ta muốn nói về lễ nhà Hạ, nhưng tình hình nước Kỉ ngày nay không còn đủ để khảo chứng. Ta muốn học về lễ nhà Ân, thì chỉ có nước Tống còn giữ được phần nào. Ta học lễ nhà Chu; đó là lễ đang hiện hành, cho nên ta theo lễ nhà Chu.

Chú giải:

1.Tai : tai hoạ, chữ cổ của chữ 災. sau này.

2.Phản 反: quay trở lại.

3.Chế độ 制度: Ở đây là một kết cấu động tân. Chế là động từ, nghĩa là chế định, chế tác, đặt ra. Độ là tân ngữ, nghĩa pháp độ, phép tắc, quy định.

4."Ngô thuyết Hạ lễ..." 吾說夏禮 câu này chỉ nói lại đại ý lời Khổng Tử, có chép trong Luận ngữ. Bát dật: "Hạ lễ ngô năng ngôn chi, Kỉ bất túc trưng dã. Ân lễ, ngô năng ngôn chi, Tống bất túc trưng dã. Văn hiến bất túc cổ dã. Túc tắc ngô năng trưng chi hĩ" (chương 9).

Và ở cùng thiên ấy: "Chu giám ư nhị đại. Úc úc hồ văn tai! Ngô tông Chu" (chương 14).

Xin xem bản Luận ngữ dịch chú, trong bộ giáo trình này.

Chương thứ hai mươi chín

Vượng thiên-hạ hữu tam trọng yên. Kỳ quả quá hỹ hồ!

王天下有三重焉，其寡過矣乎！

Thượng yên giả, tuy thiện, vô trung; vô trung, bất tín; bất tín, dân phát tông. Hạ yên giả, tuy thiện, bất tôn; bất tôn, bất tín; bất tín, dân phát tông.

上焉者雖善，無徵。無徵，不信。不信，民弗從。下焉者雖善，不尊。不尊，不信。不信，民弗從。

Cổ quân tử chi đạo, bản chư thân, trưng chư thứ dân. Khảo chư tam vương, nhi bất mậu; kiến chư Thiên Địa, nhi bất bội; chất chư quỷ thần, nhi vô nghi. Bách thể dĩ sĩ Thánh nhân, nhi bất hoặc.

故君子之道，本諸身，徵諸庶民。考諸三王而不繆，建諸天地而不悖。質諸鬼神而無疑。百世以俟聖人而不感。

Chất chư quỉ thần, nhi vô nghi: tri Thiên dã Bách thể dĩ sĩ Thánh nhân, nhi bất hoặc tri nhân dã.

質鬼神而無疑，知天也。百世以俟聖人而不感，知人也。

Thị cổ quân tử động nhi thể vi thiên hạ đạo; hạnh nhi thể vi thiên hạ pháp; ngôn nhi thể vi thiên hạ tắc.
Viễn chi tắc hữu vọng; cận chi tắc bất yếm.

是故君子動而世為天下道，行而世為天下法，言而世
為天下則。遠之，則有望；近之，則不厭。

Thi viết. "Tại bị vô ố, tại thử vô đồ, thứ cơ túc dạ, dĩ vĩnh chung dự". Quân tử vị hữu bất như thử, nhi
tao hữu dự ư thiên hạ giả dã.

詩曰，「在彼無惡，在此無射；庶幾夙夜，以永終譽。」君
子未有不如此，而蚤有譽於天下者也。

Dịch nghĩa:

Cai trị thiên hạ có ba việc trọng yếu, [làm được ba việc đó] thì có lẽ ít mắc sai lầm vậy.

Lễ nghi đời trước đây dù tốt đẹp, nhưng đến nay chẳng thể khảo chứng được. Không thể khảo chứng được, thì không thể khiến người ta tin. Không thể khiến người ta tin thì dân chúng không theo. Lễ nghi do các hiền nhân không ở ngôi đề xướng, dầu tốt đẹp, nhưng không có ngôi vị tôn quý. Không có ngôi vị, không thể khiến người ta tin. Không thể khiến người ta tin thì dân chúng không theo.

Cho nên đạo của người quân tử, lấy đức tính bản thân mình làm gốc, đồng thời được nghiệm chứng ở thứ dân, đem đối chiếu với lễ pháp của Tam vương, không có sai lầm, dựng lên trong Trời Đất không có điều trái ngược; đem đối xét với quỉ thần không có gì nghi ngờ, đợi đến bậc thánh nhân trăm đời sau xem xét cũng không có gì nhầm lẫn.

Đem đối xét với quỉ thần không có gì nghi ngờ: ấy là biết đạo Trời. Đợi đến bậc thánh nhân trăm đời sau xem xét cũng không có gì nhầm lẫn: ấy là biết đạo Người.

Cho nên người quân tử nhất cử nhất động đều đời đời được thiên hạ ca ngợi, mọi hành vi đều đời đời được thiên hạ noi theo, mọi lời nói đều đời đời được thiên hạ bắt chước. Kẻ ở xa thì đem lòng tưởng vọng, người ở gần thì không thấy chán.

Kinh Thi nói: "Ở ngoài kia không bị người ghét, ở đây không bị người oán. Mới mong sớm tối, giữ trọn danh dự mãi mãi".

Không người quân tử nào chưa làm được như vậy mà sớm có được danh dự tất đẹp trong thiên hạ.

Chú giải:

1. Tam vương 三王: Ba vua, tức là vua Vũ lập ra nhà Hạ, vua Thang lập ra nhà Thương và Văn vương lập ra nhà Chu.

2.Thi. Chu tụng. Chấn lộ 詩周頌[?]鷺, Câu 5-8.

3.Đổ 射: đọc như 妒, trong Kinh Thi viết.

Chương thứ ba mươi

Trọng - Ni tổ thuật Nghiêu Thuấn, hiến chương Văn Võ Thượng luật thiên thi, hạ tập thủy thổ. Thí như Thiên Địa chi vô bất trì tài, vô bất phúc đảo. Thí như tứ thì thác hành; như nhật nguyệt chi đại minh.

仲尼祖述堯舜，憲章文武律天時，下襲水土。辟如天地之無不持載，無不覆幬。辟如四時之錯行，如日月之代明。

Vạn vật tịnh dục nhi bất tương hại. Đạo tịnh hành nhi bất tương bội. Tiểu đức xuyên lưu; đại đức đơn hoá. Thử Thiên Địa chi sở vi đại dã.

萬物並育而不相害。道並行而不相悖。小德川流；大德敦化。此天地之所以為大也。

Dịch nghĩa:

Trọng Ni kế thừa truyền thống của Nghiêu Thuấn từ xa xưa, và noi theo mà làm sáng tỏ phép tắc của Văn Vương và Võ vương trên thì tuân theo Thiên thời, dưới thì dựa vào thủy thổ. Cũng ví như Trời Đất không có cái gì là không bao chứa, không có cái gì là không che chở. Lại ví như bốn mùa đắp đổi tuần hoàn, như Mặt Trời Mặt Trăng thay nhau toả sáng.

Muôn vật cũng nhau sinh trưởng mà không làm hại lẫn nhau. Các quy luật, cùng nhau vận hành mà không hề trái ngược. Đức nhỏ thì như sông suối chảy tuôn; đức lớn thì đôn hậu hoá dục muôn vật. Đó chính là duyên cớ khiến Trời Đất là lớn vậy [Đạo của Trọng Ni cũng là như vậy].

Chú giải:

1.Phúc đảo 覆幬 vốn là hai từ đồng nghĩa. Quảng nhĩa: Đảo, phúc dã.

2.Nguyên chữ 幬 còn có âm trừ, nghĩa là bức màn. Nhĩ nhĩ. Thích khí. "Trừ vị chi trưởng 幬謂之帳" và chú rằng "Kim Giang Đông diệc vị trưởng vi trừ" (Ngày nay vùng Giang Đông vẫn gọi "trưởng" là "trừ".

Chương thứ ba mươi một

Duy thiên hạ chí Thánh, vi năng thông, minh, duệ, trí, túc dĩ hữu lâm dã; khoan, dĩ, ôn, nhu, túc dĩ hữu dung dã; phát, cường, cương, nghị, túc dĩ hữu chấp dã; trai trang, trung chính, túc dĩ hữu kính dã; văn, lý, mật, sát túc dĩ hữu biệt dã.

唯天下至聖，為能聰、明、睿知、足以有臨也；寬、裕、

溫、柔、足以有容也；發、強、剛、毅、足以有執也；齊、庄、中、正、足以有敬也；文、理、密、察、足以有別也。

Phổ bác, uyên huyền, nhi thì xuất chi. Phổ bác như thiên, uyên huyền như uyên; hiện nhi dân mạc bất kính; ngôn nhi dân mạc bất tín; hành nhi dân mạc bất duyệt.

溥博，淵泉，而時出之。溥博如天；淵泉如淵。見而民莫不敬；言而民莫不信；行而民莫不說。

Thị dĩ thanh danh đương đại hồ trung quốc, thi cập Man Mạch. Châu xa sở chí, nhân lực sở thông, thiên chi sở phúc, địa chi sở tài, nhật nguyệt sở chiếu, sương lộ sở trụ, phàm hữu huyết khí giả, mạc bất tôn thân. Cổ viết phối thiên.

是以聲名洋溢乎中國，施及蠻貊。舟車所至，人力所通，天之所覆，地之所載，日月所照，霜露所隊：凡有血氣者莫不尊親。故曰，「配天」。

Dịch nghĩa:

Chỉ có bậc Chí Thánh trong thiên hạ mới có thể [làm được] thông minh duệ trí đủ để trị vì thiên hạ, khoan dung, dồi dào, ôn hoà, nhu thuận đủ để bao chứa tất cả; phần phát, kiên cường, cương nghị, quyết đoán đủ để cầm nắm đại sự; cung kính trang trọng trung hoà công bằng, đủ để khiến mọi người kính sợ; văn chương điều lí tinh tế sáng suốt đủ để phân biệt phải trái.

Đức hạnh của bậc Chí Thánh mệnh mông rộng khắp, sâu sắc và căn bản xuất hiện đứng lúc. Rộng khắp như trời sâu thăm như vực. Hể xuất hiện thì dân chúng chẳng ai không kính, hể nói ra thì dân chúng chẳng ai không tin, hể hành động thì dân chúng chẳng ai không vui mừng.

Bởi thế thanh danh tràn lan khắp cõi Trung nguyên, truyền bá đến cả Man (dân tộc mọi rợ phương Nam) Mạch (dân tộc mọi rợ phương Bắc). Phàm là nơi tàu bè xe cộ có thể tới được, sức người có thể thông hành đến, nơi có trời che đất chở, nhật nguyệt đối chiếu, sương móc rơi xuống được, phàm là người có khí huyết, chẳng có ai là không kính yêu. Bởi thế mà nói rằng [đức của bậc Chí Thánh] sánh bằng Trời.

Chú giải:

1. Thông minh duệ trí 聰明睿知. Thông là tai tỏ, minh là mắt sáng duệ là nhìn thấu suốt, trí là biết mọi điều.

2. Phối thiên 配天, là khái niệm của học phái Nho gia Tư Mạnh (Tử Tư - Mạnh Tử) biểu đạt tư tưởng thiên nhân hợp nhất. Trong Trung dung có các câu: "Bác hậu phối địa, cao minh phối thiên" (chương 26 Chu Hi chú: "Thử ngôn thánh nhân dĩ Thiên Địa đồng thể" (đó là nói thánh nhân cùng một thể với Trời Đất).

Ở chương này: "Phàm hữu huyết khí giả, mạc bất tôn thân, cổ viết phối thiên". Chu Hi chú: "Phối thiên, ngôn kì đức chi sở cập, quảng đại như thiên dã" (Phối thiên là nói phạm vi đức của bậc chí Thánh lan tới, rộng lớn như Trời vậy). Thật ra tư tưởng này đã có nguồn gốc từ thời Tây Chu. Như Thi. Chu tụng Tư văn 詩. 周頌思文 có câu 思文后稷克配彼天 "Tư văn Hậu Tắc, khắc phối bị thiên" (Hậu Tắc là bậc có văn hoá

đạo đức, đáng được cúng tế chung với Trời kia).

Hay Thi. Đại nhã. Văn Vương 詩. 大雅. 文王 có câu: 無念爾祖, 聿脩厥德, 永言配命, 自求多福 "Vô niệm nhĩ tổ? Duyệt tu quyết đức, Vĩnh ngôn phối mệnh, Tự cầu đa phúc" (Họ lại không nhớ đến ông nội ngài là Văn Vương? Thì hãy trau dồi đức hạnh, cho mãi mãi phù hợp với Mệnh Trời. Để tự tìm lấy phúc lộc dồi dào!).

Chương thứ ba mươi hai

Duy thiên-hạ chí Thành, vi năng kinh luân thiên-hạ chi đại kinh lập thiên-hạ chi đại bản, tri Thiên Địa chi hoá dục. Phù yên hữu sở y.

唯天下至誠，為能經綸天下之大經，立天下之大本，知
天地之化育。夫焉有所倚？

Truân truân kỳ nhân; uyên uyên kỳ uyên; hao hao kỳ Thiên. Cầu bất cố thông-minh thánh trí, đạt thiên đức giả kỳ thực năng tri chi?

肫肫其仁！淵淵其淵！浩浩其天！苟不固聰明聖知，
達天德者，其孰能知之？

Dịch nghĩa:

Chỉ có bậc Chí Thành trong thiên hạ mới có thể quy hoạch được cương lĩnh lớn của thiên hạ, xác lập nên căn bản lớn của thiên hạ, và biết được công hoá dục của Trời Đất, Mà đâu cần dựa vào cái gì khác?

Nhân ái của bậc chí thành ấy xiết bao thành khẩn!

Sự thâm trầm của người sâu sắc biết bao! Sự cao rộng của người khác nào bầu trời?

Nếu chẳng phải người vốn thông minh thánh trí, thông đạt đức Trời, thì ai mà có thể biết được?

Chương thứ ba mươi ba

Thi viết: "Ý cảm thương quýnh". Ổ kỳ văn chi trứ dã. Cổ quân tử chi đạo, ám nhiên nhi nhật chương. Tiểu nhân chi đạo, chúc nhiên nhi nhật vong. Quân tử chi đạo, đạm nhi bất yếm; giản, nhi văn; ôn, nhi lý.

詩曰，「衣錦尚絅，」惡其文之著也。故君子之道，闇然而
日章；小人之道，的然而日亡。君子之道，淡而不厭、簡而
文、溫而理。

Tri viễn chi cận, tri phong chi tự, tri vi chi hiển, khả dữ nhập đức hỷ.

知遠之近，知風之自，知微之顯。可與入德矣。

Thi vân: "Tiềm tuy phục hỷ, diệc không chi chiêu. Cổ quân tử nội tình bất cửu, vô ố ư chí. Quân tử chi sở bất khả cập dã, kỳ duy nhân chi sở bất kiến hồ.

《詩》云，「潛雖伏矣，亦孔之昭。」故君子內省不疚，無惡於志。君子之所不可及者，其唯人之所不見乎。

Thi vân: tương tại nhĩ thất, thượng bất quý vu ốc lậu". Cổ quân-tử bất động, nhi kính; bất ngôn, nhi tín.

《詩》云，「相在爾室，尚不愧於屋漏。」故君子不動而敬，不言而。

Thi viết: Tấu cách vô ngôn, thì mỹ hữu tranh". Thị cổ quân-tử bất thường, nhi dân khuyến; bất nộ, nhi dân oai ư phu viết.

詩曰，「奏假無言，時靡有爭。」是故君子不賞而民勸，不怒而民威於鈇鉞。

Thi viết: "Bất hiển duy đức, bách tích kỳ hình chi. Thị cổ quân tử đốc cung, nhi thiên hạ bình.

詩曰，「不顯惟德，百辟其刑之。」是故君子篤恭而天下平。

Thi vân: "Dư hoài minh đức, bất đại thanh dĩ sắc. Tử viết: "Thanh sắc chi ư dĩ hoá dân, mật dã".

《詩》云，「予懷明德，不大聲以色。」子曰，「聲色之於以化民，末也。」

Thi viết: Đức thù như mao", Mao do hữu luân "Thượng thiên chi tải, Vô thanh vô xú" chí hỷ.

《詩》云，『德輶如毛。』毛猶有倫。『上天之載，無聲無臭。』至矣。

Dịch nghĩa:

Kinh Thi nói: "Mặc áo gấm (có hoa) ở trong rồi ngoài mặc thêm áo mỏng ở ngoài"¹. Ấy là vì ngại hoa văn gấm quá rực rỡ. Cho nên đạo của người quân tử, thoát đầu nhạt tối, nhưng càng ngày toả rạng thêm lên. Đạo của kẻ tiểu nhân thì sặc sỡ nhưng ngày càng mờ nhạt dần đi. Đạo của người quân tử, thanh đạm nhưng người ta không chán, giản phác nhưng vẫn nhã, ôn hoà nhưng rành rọt.

Nếu biết lẽ đi xa phải bắt đầu từ gần, biết rằng phong khí bắt đầu hình thành từ đâu, biết được lẽ sự vật từ kín đáo đến hiện lên rõ rệt, thì có thể tiến vào con đường tu dưỡng đạo đức.

Kinh Thi nói: "Tuy lặn trốn được ở đáy nước, nhưng cũng thấy được rõ ràng"². Cho nên người quân tử tự xét nội tâm mình không áy náy thì trong lòng không hổ thẹn. Người quân tử có điều mà người thường không đạt tới được, có lẽ chính là ở chỗ thể giới nội tâm mà người khác không thể thấy được.

Kinh Thi nói: "Trông vua lúc ở trong nhà, cũng rất đứng đắn không thẹn với góc xó tối tăm"³.

Cho nên người quân tử chưa hành động, mà người ta đã kính, chưa nói ra mà người ta đã tin.

Kinh Thi nói: "Tấu lên khúc nhạc lặng lẽ không tiếng. Lúc này càng không có tiếng tranh cãi"⁴. Cho nên người quân tử chẳng cứ phải ban thưởng, mà dân chúng đã được khích lệ; chẳng cứ phải nổi giận, mà dân chúng đã kính sợ hơn cả hình phạt búa rìu.

Kinh Thi nói: "Đức hạnh xiết bao rạng rỡ, Bốn phương chư hầu đều bắt chước"⁵. Cho nên người quân tử chỉ cần dốc lòng cung kính thành thật, thì thiên hạ tự nhiên được thái bình.

Kinh Thi nói: "Ta hằng nhớ tưởng vua Văn Vương tỏ cái đức sáng của mình, không phải dùng đến to tiếng và sắc mặt"⁶. Khổng Tử nói: "Giao hoá dân chúng mà phải dùng đến to tiếng và sắc mặt giận dữ, ấy là phương pháp mạt hạng.

Kinh Thi nói: "Đức nhẹ như cánh lông"⁷ Cái lông còn là loại so sánh được, có thể hình dung được. Chứ "Đạo Trời vận hành, chẳng có thanh âm, chẳng có mùi". Đó mới là mức độ tuyệt vời chí cao vô thượng.

Chú giải:

1.Thi. Vệ phong. Thạc nhân 詩衛風碩人. Chương 1, câu 2 và Thi. Trịnh phong. Phong chương 3 câu 1 đều viết "ý cảm khuynh y" "khuynh" là áo đơn.

2.Thi. Tiểu nhã. Chính nguyệt 詩小雅正月, Chương 11, câu 3-4.

3.Thi. Đại nhã 詩大雅抑. chương 7, câu 4-5.

4.Thi. Thương tụng. Liệt tổ 詩商頌烈祖, câu 9-10.

5.Thi. Chu tụng. Liệt văn 詩商頌烈文, câu 11-12

6.Thi. Đại nhã. Hoàng hĩ 詩大雅皇矣, chương 7, câu 2-3.

7.Thi. Đại nhã. Chưng dân 詩大雅蒸民, chương 4, câu 2.

8.Thi. Đại nhã. Văn Vương 詩大雅文王, chương 7 câu 5-6.